



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH – CÔNG TY CỔ PHẦN  
PISICO Binh Dinh Corporation – Joint Stock Company**

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015**

*Bình Định, ngày 01 tháng 4 năm 2016*

# MỤC LỤC

I - THÔNG TIN CHUNG.....	3
II - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	8
III – BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC .....	23
IV - ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	27
V – QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	30
VI - BÁO CÁO TÀI CHÍNH .....	35

## **I - THÔNG TIN CHUNG**

### **1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Tổng công ty PISICO Bình Định – Công ty cổ phần
- Tên viết tắt: PISICO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4100258987 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Định cấp thay đổi lần 06 ngày 21/08/2014.
- Vốn điều lệ: 275.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 275.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 99 Tây Sơn, P. Ghềnh Ráng, TP. Quy Nhơn, Bình Định
- Số điện thoại: 056. 3947027
- Số fax: 056.3947029
- Website: [www.pisico.com.vn](http://www.pisico.com.vn)
- Mã cổ phiếu: PIS

### **2. Quá trình hình thành và phát triển**

PISICO được thành lập vào năm 1985. Đến nay, đã qua 31 năm hoạt động (từ 29/8/1985 đến tháng 4/2016), với các thời kỳ chuyển đổi và phát triển cụ thể như sau:

- Thời kỳ thành lập và xây dựng 1985 – 1990: Với tên gọi là Công ty Hợp tác Khai thác Chế biến Lâm sản Xuất khẩu Nghĩa Bình – Ratanakiri trực thuộc Ty Lâm nghiệp Nghĩa Bình, làm nhiệm vụ hợp tác khai thác gỗ tại tỉnh Ratanakiri–Camphuchia kết nghĩa với Tinh nhà, để sản xuất chế biến gỗ, lâm sản phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu.

- Thời kỳ 1990- 1995: Năm 1990, hợp nhất với Công ty Lâm đặc sản Xuất khẩu Bình Định và được đổi tên thành Công ty Xuất khẩu Lâm đặc sản Bình Định (gọi tắt Biforimex); Đến năm 1992, tiếp tục đăng ký thành lập lại Doanh nghiệp Nhà nước và đổi tên lại là Công ty Lâm đặc sản Xuất khẩu Bình Định để thực hiện nhiệm vụ kinh doanh trong nước, tập trung phát triển công tác trồng rừng và sản xuất chế biến gỗ, lâm sản xuất khẩu;

- Thời kỳ 1996 – 2000: Thành lập Tổng công ty nhà nước với tên gọi Tổng công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất Nhập khẩu Bình Định (PISICO), nhằm phát triển quy mô kinh doanh, đảm bảo cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng phạm vi địa bàn hoạt động và kinh doanh đa ngành nghề, đa lĩnh vực;

- Thời kỳ 2000-2005: Thực hiện đổi mới phát triển, sắp xếp củng cố hệ thống các đơn vị trực thuộc; tăng cường nội lực, lành mạnh tài chính để nâng cao khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Thời kỳ 2006 – 2010: Hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, trong đó Công ty mẹ là Tổng công ty PISICO; với cơ cấu bộ máy quản lý mới gồm: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, các phòng chuyên môn nghiệp vụ và các đơn vị thành viên; được phân làm 3 hình thức sở hữu vốn: PISICO sở hữu 100% vốn; Công ty con, Công ty mẹ sở hữu >50% vốn điều lệ và Công ty liên doanh liên kết, Công ty mẹ sở hữu  $\leq 50\%$  vốn điều lệ.

- Từ ngày 01/07/2010, song song với việc tách Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh và Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn là 2 đơn vị PISICO sở hữu 100% vốn điều lệ, về trực thuộc UBND tỉnh Bình Định; Công ty mẹ đã chuyển đổi thành công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, để thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và tiếp tục áp dụng mô hình hoạt động Công ty mẹ - Công ty con. Với vốn điều lệ 221,343 tỷ đồng.

- Đầu năm 2013, thực hiện chủ trương của Chính phủ và Quyết định số 512/QĐ - UBND ngày 20/03/2012 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt phương án sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2012 – 2015, Tổng công ty PISICO đã chuyển đổi thành công ty cổ phần kể từ ngày 27/01/2014 với vốn điều lệ 275 tỷ đồng (Hai trăm bảy mươi lăm tỷ đồng).

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

*3.1 Ngành nghề kinh doanh:* hoạt động kinh doanh của Tổng công ty PISICO Bình Định – CTCP chủ yếu các lĩnh vực được tóm tắt như sau:

- Trồng rừng, khai thác rừng, tư vấn thiết kế công trình lâm sinh, kinh doanh nguyên liệu giấy. Sản xuất và kinh doanh thương mại tổng hợp.

- Khai thác, chế biến và mua bán hàng nông, lâm sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa; Mua bán kinh doanh máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên phụ liệu phục vụ ngành nông, lâm nghiệp và máy móc phương tiện vận tải.

- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản.

- Kinh doanh truyền hình cáp và vật tư, thiết bị viễn thông.

- Đầu tư hạ tầng, thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng và kinh doanh bất động sản.

- Đầu tư tài chính vào các Công ty con và các loại hình doanh nghiệp khác.

- Các ngành nghề khác phù hợp với năng lực của doanh nghiệp và theo quy định của pháp luật.

*3.2 Địa bàn kinh doanh: tỉnh Bình Định.*

#### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

*4.1 Mô hình quản trị:* công ty cổ phần hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

*4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:*

- Hội đồng quản trị: gồm 05 thành viên

- Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng gồm 05 thành viên: 01 Tổng giám đốc, 03 Phó Tổng giám đốc, 01 Kế toán trưởng

- Ban kiểm soát gồm 03 thành viên: 01 trưởng Ban kiểm soát chuyên trách và 02 thành viên.

- Phòng nghiệp vụ gồm 04 phòng: phòng Tài chính – Kế toán, phòng Tổ chức – Hành chính, phòng Kế hoạch – Tổng hợp, phòng Đầu tư – Phát triển.

*4.3 Các công ty con, công ty liên doanh liên kết:*

a) Công ty con

- Công ty TNHH Một thành viên Truyền hình Cấp Quy Nhơn (địa chỉ 198 Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn, Bình Định), do Tổng công ty PISICO Bình Định – CTCP làm chủ sở hữu. Đơn vị này đang hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH truyền hình cáp SAIGONTOURIST (SCTV) để đầu tư kinh doanh dịch vụ truyền hình cáp tại tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận đầu tư số 35104000344 do UBND tỉnh Bình Định cấp ngày 27/01/2014; Tổng vốn điều lệ 10 tỷ đồng, lợi nhuận phân chia theo tỷ lệ hợp tác kinh doanh mỗi bên 50%.

- Công ty cổ phần Dịch vụ Phát triển Hạ tầng PBC

+ Địa chỉ văn phòng: P.Nhơn Bình, TP Quy Nhơn, Bình Định.

+ Vốn điều lệ: 15 tỷ đồng.

+ PISICO sở hữu tỷ lệ 70,83% vốn điều lệ.

+ Hoạt động chủ yếu kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Nhơn Bình, TP Quy Nhơn.

b) Công ty liên kết:

- Công ty cổ phần Kinh doanh Công Nông nghiệp Bình Định (BIDINA)

+ Địa chỉ văn phòng tại Việt Nam: Tầng 5, Số nhà 99, đường Tây Sơn, Phường Ghềng Ráng, TP Quy Nhơn, Bình Định.

- + Vốn điều lệ: 150 tỷ đồng.
- + PISICO sở hữu tỷ lệ 50% vốn điều lệ.
- + Hoạt động trồng, chế biến mùn cao su tại tỉnh Sê Kông, Lào.
- Công ty TNHH Nguyên liệu Giấy Quy Nhơn
  - + Địa chỉ: Đường số 10, KCN Phú Tài, TP Quy Nhơn, Bình Định.
  - + Vốn điều lệ: 9,5 tỷ đồng.
  - + PISICO sở hữu tỷ lệ 45% vốn điều lệ.
  - + Hoạt động chủ yếu sản xuất dăm gỗ xuất khẩu.
- Công ty cổ phần Chế biến Gỗ Nội thất PISICO
  - + Địa chỉ: Lô C6-C7 KCN Phú Tài, TP Quy Nhơn, Bình Định.
  - + Vốn điều lệ: 15 tỷ đồng.
  - + PISICO sở hữu tỷ lệ 40,01% vốn điều lệ.
  - + Hoạt động chủ yếu sản xuất chế biến gỗ xuất khẩu.
- Công ty cổ phần PISICO Hà Thanh:
  - + Địa chỉ: CCN Canh Vinh, huyện Vân Canh, Bình Định.
  - + Vốn điều lệ: 15 tỷ đồng.
  - + PISICO sở hữu tỷ lệ 40% vốn điều lệ
  - + Hoạt động chủ yếu sản xuất dăm gỗ xuất khẩu.
- Công ty cổ phần Chế biến Gỗ PISICO Đồng An
  - + Địa chỉ: Lô C, KCN Đồng An, huyện Thuận An, Bình Dương.
  - + Vốn điều lệ: 17,6 tỷ đồng.
  - + PISICO sở hữu tỷ lệ 31,28 % vốn điều lệ
  - + Hoạt động chủ yếu sản xuất chế biến gỗ xuất khẩu.

## **5. Định hướng phát triển**

### *5.1 Mục tiêu chủ yếu của Tổng công ty:*

Tập trung thực hiện nhiệm vụ SXKD theo ngành nghề chính; trong đó trọng tâm là các lĩnh vực SXKD chính gồm: Sản xuất chế biến đồ gỗ, Dăm nguyên liệu giấy, Dịch vụ truyền hình cáp, Kinh doanh hạ tầng kỹ thuật và kinh doanh thương mại xuất nhập khẩu tổng hợp, phải chiếm tỷ lệ ưu thế >50% trong cơ cấu ngành nghề của PISICO. Đặc biệt, quan tâm tích cực đối với các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc công ty mẹ và tăng cường kinh doanh thương mại tại Văn phòng PISICO để giữ vững công ty mẹ là doanh nghiệp hạng I.

Việc thực hiện sản xuất kinh doanh phải đảm bảo hiệu quả ổn định bền vững, tạo đòn bẩy phát triển đột phá trong những năm tiếp theo. Tốc độ tăng trưởng các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, cổ tức theo hướng năm sau cao hơn năm trước; trong đó Công ty mẹ giữ vai trò chủ đạo và tỷ lệ hiệu quả bằng hoặc hơn tỷ lệ hiệu quả đầu tư tài chính dài hạn; đảm bảo 100% đơn vị (kể cả các công ty thành viên) đều có lợi nhuận.

### *5.2 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng*

Tổng công ty xác định chất lượng sản phẩm là quan trọng nhất, không chạy theo lợi nhuận hoạt động sản xuất. Đồng thời phát triển văn hóa cộng đồng, tăng cường công tác thông tin tuyên truyền của Chính phủ đến với nhân dân thông qua mạng truyền hình. Đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường và sức khỏe cho người lao động và người tiêu dùng.

## II - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015

### 1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty mẹ

STT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ (triệu đồng)			Ghi chú
		KH	TH	TH/KH	
1	Doanh thu	391.000	352.466	90,14%	
2	Kim ngạch XNK (triệu USD)	10.874	10.156	93%	
3	Lợi nhuận	21.558	22.654	105%	

**- Tiền lương bình quân thực hiện Công ty mẹ: 5.468.316 đồng/người/tháng**

### 2. Tổ chức và nhân sự

#### 2.1 Danh sách Ban điều hành:

- Ông: Nguyễn Tấn Bình                      - Tổng Giám đốc;
- Ông: Phùng Văn Nguyên                    - Phó Tổng Giám đốc
- Ông: Phan Hữu Bạ                            - Phó Tổng Giám đốc
- Bà: Nguyễn Thị Ngọc Anh                - Phó Tổng Giám đốc
- Ông: Thái Minh Trung                      - Kế toán trưởng.

#### **Ông Nguyễn Tấn Bình - Tổng Giám đốc**

Họ và tên: Nguyễn Tấn Bình

Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 20/10/1960.

Nơi sinh: Phô An, Đức Phô, Quảng Ngãi.

Giấy CMND số: 210041582, ngày cấp 29/12/2015; nơi cấp: Công an tỉnh Bình Định.

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 170 Đống Đa, TP Quy Nhơn, Bình Định.

Điện thoại cơ quan: 0563 947 099

Trình độ văn hoá: 12/12.

Trình độ chuyên môn: Đại học - Kỹ sư lâm nghiệp, Kinh tế lâm nghiệp.

Quá trình công tác:



Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ đã trải qua
10/1979-03/1981	Lâm trường An Lão	Cán bộ kế hoạch
04/1981-09/1985	Sở Lâm nghiệp Nghĩa Bình	Cán bộ kế hoạch
10/1985-03/1993	Công ty hợp tác khai thác chế biến lâm sản Nghĩa Bình	Phó phòng kế hoạch
04/1993-06/1996	Công ty Lâm đặc sản Bình Định	Phó Giám đốc
07/1996-01/2014	Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bình Định	Phó Tổng Giám đốc
01/2014-nay	Tổng công ty PISICO Bình Định-Công ty cổ phần	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

Chức vụ hiện nay:

Thời gian đảm nhiệm	Nơi làm việc	Chức vụ
05 năm, kể từ 27/01/2014	Tổng công ty PISICO Bình Định-Công ty cổ phần	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

Số lượng cổ phần đang nắm giữ hoặc được ủy quyền: 6.905.000, cổ phần, chiếm 25,109% vốn điều lệ, trong đó:

Đại diện sở hữu: 6.875.000, cổ phần, tương đương 25% vốn điều lệ

Cá nhân sở hữu: 30.000, cổ phần, tương đương 0,109% vốn điều lệ

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu PISICO: Không có.

Những khoản nợ đối với Tổng công ty: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng công ty: Không có.

**Ông Phùng Văn Nguyên – Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên: Phùng Văn Nguyên

Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 10/07/1965.

Nơi sinh: Nhơn An, An Nhơn, Bình Định.

Giấy CMND số: 210913354; ngày cấp 29/05/2008; nơi cấp: Công an tỉnh Bình Định.

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 28 Nguyễn Lữ, TP Quy Nhơn, Bình Định.

Điện thoại cơ quan: 0563 947 045

Trình độ văn hoá: 12/12.

Trình độ chuyên môn: Đại học (Cử nhân kinh tế - Vật tư và cử nhân ngoại ngữ-Anh văn).

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ đã trải qua
11/1996-09/2000	Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bình Định	Cán bộ kế hoạch
10/2000-03/2003	Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bình Định	Phó phòng kế hoạch
04/2003-07/2004	Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bình Định	Quyền Trưởng phòng kế hoạch
08/2004- 06/2010	Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bình Định	Trưởng phòng kế hoạch
07/2010-01/2014	Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn (Công ty thành viên Tổng công ty PISICO Bình Định – Công ty cổ phần)	Giám đốc
01/2014-07/2014	Tổng công ty PISICO Bình Định- Công ty cổ phần	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc; kiêm Giám đốc Công ty TNHH Nguyên Liệu Giấy Quy Nhơn

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ đã trải qua
08/2014-nay	Tổng công ty PISICO Bình Định- Công ty cổ phần	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc.

Chức vụ hiện nay:

Thời gian đảm nhiệm	Nơi làm việc	Chức vụ
5 năm, kể từ ngày 27/01/2014	Tổng công ty PISICO Bình Định-Công ty cổ phần	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc

Số lượng cổ phần đang nắm giữ hoặc được ủy quyền: 4.638.600, cổ phần, chiếm 16,868% vốn điều lệ, trong đó:

Đại diện sở hữu: 4.627.000, cổ phần, tương đương 16,826% vốn điều lệ

Cá nhân sở hữu: 11.600, cổ phần, tương đương 0,042% vốn điều lệ

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu PISICO (Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột): Không có.

Những khoản nợ đối với Tổng công ty: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng công ty: Không có.

### **Ông Phan Hữu Bạ - Thành viên Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên: Phan Hữu Bạ

Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 19/06/1958.

Nơi sinh: Long Vân, Phước Long, Tuy Phước, Bình Định.

Giấy CMND số: 210041555; ngày cấp 28/05/2013; nơi cấp: Công an tỉnh Bình Định.

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: KV 9, P Trần Quang Diệu, TP Quy Nhơn, Bình Định.

Điện thoại cơ quan: 0563 947 044

Trình độ văn hoá: 12/12.

Trình độ chuyên môn: Đại học - Quản trị kinh doanh.

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ đã trải qua
02/1979-03/1984	Xí nghiệp Song mây Nghĩa Bình	Nhân viên kế toán
04/1984-12/1985	Xí nghiệp Song mây Nghĩa Bình	Kế toán trưởng
01/1986-03/1993	Công ty Lâm đặc sản Xuất khẩu Bình Định	Cán bộ kế hoạch
04/1993-05/1994	Công ty Lâm đặc sản Xuất khẩu Bình Định	Phó phòng kế hoạch
06/1994-09/1996	Chi nhánh Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bình Định tại Thành phố Hồ Chí Minh.	Phó Giám đốc
10/1996-09/2002	Chi nhánh Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Bình Định tại TP Hồ Chí Minh.	Giám đốc
10/2002-04/2007	Chi nhánh Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Bình Định tại TP Hồ Chí Minh	Phó Giám đốc
05/2007-06/2012	Chi nhánh Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bình Định tại Thành phố Hồ Chí Minh	Giám đốc
07/2012-01/2014	Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bình Định	Thành viên chuyên trách Hội đồng thành viên
02/2014-03/2014	Tổng Công ty PISICO Bình Định-Công ty cổ phần	Trưởng phòng Đầu tư-Phát triển
04/2014-nay	Tổng Công ty PISICO Bình	Phó Tổng Giám

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ đã trải qua
	Định-Công ty cổ phần	đốc

Chức vụ hiện nay:

Thời gian đảm nhiệm	Nơi làm việc	Chức vụ
Từ 20/03/2014 đến ngày 30/06/2018	Tổng công ty PISICO Bình Định-Công ty cổ phần	Phó Tổng Giám đốc

Số lượng cổ phần đang nắm giữ hoặc được ủy quyền: 600,cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều lệ, trong đó:

Đại diện sở hữu: 0,cổ phần

Cá nhân sở hữu: 600,cổ phần, tương đương 0,002% vốn điều lệ.

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu PISICO (Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột): Không có

Những khoản nợ đối với Tổng công ty: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng công ty: Không có.

### **Nguyễn Thị Ngọc Anh - Thành viên Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc Anh

Giới tính: Nữ.

Ngày tháng năm sinh: 12/04/1964.

Nơi sinh: Cát Hanh, Phù Cát, Bình Định.

Giấy CMND số: 210954262; ngày cấp 20/04/2012; nơi cấp: Công an tỉnh Bình Định.

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 80 Ý Lan, TP Quy Nhơn, Bình Định.

Điện thoại cơ quan: 0563 947 059

Trình độ văn hoá: 12/12.

Trình độ chuyên môn: Đại học - Cử nhân kinh tế -Tài chính kế toán/Quản trị kinh doanh.

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ đã trải qua
10/1985-12/1997	Công ty Lâm đặc sản Xuất khẩu Bình Định (tiên thân Tổng công ty PISICO Bình Định – Công ty cổ phần)	Nhân viên Kế toán
01/1998-08/1998	Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bình Định (PISICO)	Nhân viên Kế toán
09/1998-05/2000	Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bình Định	Phó phòng Kế toán
06/2000-12/2002	Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bình Định	Quyền Kế toán trưởng
01/2003-01/2014	Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bình Định	Kế toán trưởng
01/2014-02/2014	Tổng công ty PISICO Bình Định- Công ty cổ phần	Kế toán trưởng
03/2014-nay	Tổng công ty PISICO Bình Định- Công ty cổ phần	Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ hiện nay:

Thời gian đảm nhiệm	Nơi làm việc	Chức vụ
5 năm, kể từ ngày 01/03/2014	Tổng công ty PISICO Bình Định- Công ty cổ phần	Phó Tổng Giám đốc

Số lượng cổ phần đang nắm giữ hoặc được ủy quyền: 31.000, cổ phần, chiếm 0,113% vốn điều lệ, trong đó:

Đại diện sở hữu: 0, cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ.

Cá nhân sở hữu: 31.000, cổ phần, tương đương 0,113% vốn điều lệ

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu PISICO (Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột):

Họ Tên	Mối quan hệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (% VDL)
Lê Văn Lịch	Chồng	10.000	0,036
Lê Thị Lan Phương	Con	80.000	0,291

Những khoản nợ đối với Tổng công ty: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng công ty: Không có.

### **Ông Thái Minh Trung - Kế toán trưởng**

Họ và tên: Thái Minh Trung

Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 21/11/1977.

Nơi sinh: Quy Nhơn, Bình Định.

Giấy CMND số: 211638698; ngày cấp 28/07/2011; nơi cấp Công an tỉnh Bình Định.

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 18 Lê Thánh Tôn, Quy Nhơn, Bình Định.

Điện thoại cơ quan: 0563 947 069

Trình độ văn hoá: 12/12.

Trình độ chuyên môn: Đại học - Cử nhân Kinh doanh thương mại/Kế toán.

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ đã trải qua
11/1999-05/2005	Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bình Định	Nhân viên kế toán
06/2005-06/2010	Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bình Định	Phó phòng Tài chính - Kế toán
07/2010-01/2014	Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bình Định	Kiểm soát viên
01/2014-02/2014	Tổng Công ty PISICO Bình Định- Công ty cổ phần	Phó phòng Tài chính – Kế toán

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ đã trải qua
03/2014-nay	Tổng Công ty PISICO Bình Định- Công ty cổ phần	Kế toán trưởng

Chức vụ hiện nay:

Thời gian đảm nhiệm	Nơi làm việc	Chức vụ
05 năm, kể từ ngày 01/03/2014	Tổng công ty PISICO Bình Định-Công ty cổ phần	Kế toán trưởng

Số lượng cổ phần đang nắm giữ hoặc được ủy quyền: 39.000, cổ phần, chiếm 0,142% vốn điều lệ, trong đó:

Đại diện sở hữu: 0, cổ phần, tương đương 0% vốn điều lệ

Cá nhân sở hữu: 39.000, cổ phần, tương đương 0,142% vốn điều lệ.

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu PISICO (Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột):

Họ Tên	Mối quan hệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (% VDL)
Bùi Thị Minh	Mẹ ruột	9.400	0,034
Dương Thị Kim Trinh	Vợ	900	0,003
Thái Thị Tố Trinh	Em ruột	20.000	0,073

Những khoản nợ đối với Tổng công ty: Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng công ty: Không có.

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành: không

2.3 Số lao động làm việc tại Công ty vào thời điểm 31/12/2014 và 31/12/2015 với cơ cấu lao động phân theo trình độ và theo hợp đồng lao động như sau:

Stt	Phân loại	Số lượng lao động tại 31/12/2014	Số lượng lao động tại 31/12/2015
A/	Phân theo trình độ		



Stt	Phân loại	Số lượng lao động tại 31/12/2014	Số lượng lao động tại 31/12/2015
	Trên đại học	02	03
	Cử nhân và kỹ sư	88	83
	Cao đẳng	09	8
	Trung cấp	23	19
	Dưới trung cấp	467	471
	<b>Tổng cộng</b>	<b>589</b>	<b>584</b>
<b>B/</b>	<b>Phân theo hợp đồng lao động</b>		
	Hợp đồng lao động không thời hạn	202	208
	Hợp đồng lao động từ 1-3 năm	183	174
	Hợp đồng lao động dưới 1 năm	204	202
	<b>Tổng cộng</b>	<b>589</b>	<b>584</b>

### **Tóm tắt chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động:**

- **Chế độ làm việc**

Thời gian làm việc của người lao động không quá 48 giờ/tuần, đảm bảo thời giờ nghỉ ngơi theo quy định pháp luật lao động; bộ phận gián tiếp làm việc theo giờ hành chính, bộ phận sản xuất trực tiếp làm việc theo ca. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì người lao động có trách nhiệm làm thêm và Tổng công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định pháp luật lao động với đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động. Các chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm đau, thai sản được giải quyết đầy đủ, đúng, kịp thời theo quy định nhà nước cho người lao động.

Điều kiện làm việc đạt yêu cầu về không gian, độ thoáng, bụi, hơi, ..... theo quy định pháp luật lao động. Đối với lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

- **Chính sách tuyển dụng, đào tạo**

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Tổng công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh.

Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Tổng công ty có tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản về trình độ chuyên môn, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo; Đối với các vị trí quan trọng còn quy định bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, nhận định.

**Chính sách thu hút nhân tài:** Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân sự giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân sự lâu dài, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

**Đào tạo:** Tổng công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ chính trị và hệ thống quản lý chất lượng. Việc đào tạo được tiến hành nội bộ và đào tạo bên ngoài. Các chương trình đào tạo chú trọng vào nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật và nhận thức của cán bộ công nhân viên về quản lý SXKD, an toàn lao động và an toàn vệ sinh khi sản xuất,...từ đó nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm đầu ra. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ cũng được chú trọng về chiều sâu.

- **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi**

**Chính sách lương:** Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người. Tổng công ty thực hiện trả lương theo hiệu quả kinh doanh, gắn kết với năng suất và chất lượng sản phẩm.

**Chính sách thưởng:** Nhằm khuyến khích động viên người lao động, Tổng công ty có chính sách thưởng định kỳ nhân các dịp lễ tết hàng năm và đột xuất cho những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ.

**Bảo hiểm và phúc lợi:** Việc trích nộp bảo hiểm bắt buộc cho người lao động được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

**Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên:** Công đoàn và Đoàn Thanh niên Tổng công ty hoạt động khá hiệu quả, các phong trào thể dục thể thao, văn nghệ của công nhân viên diễn ra hàng năm rất sôi nổi, tạo điều kiện cho người lao động được nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khỏe. Ngoài ra hàng năm cán bộ công nhân viên Tổng công ty còn được tổ chức đi du lịch theo chế độ.

**Chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên:** Nhằm tạo sự gắn

bó lâu dài của người lao động và tạo động lực khuyến khích cho người lao động làm việc, Tổng công ty thực hiện chính sách ưu đãi cổ phiếu dưới hai hình thức: được mua cổ phiếu giảm giá theo thâm niên công tác và mua cổ phiếu với giá ưu đãi so với giá thị trường theo cam kết làm việc lâu dài tại Tổng công ty.

- **Các thay đổi chính sách đối với người lao động trong năm 2015:** không có.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án lớn

#### 3.1 Các khoản đầu tư lớn:

STT	Đơn vị nhận đầu tư	Nội dung đầu tư	Giá trị (đồng)
1	Xí nghiệp CB LS XK	Đầu tư mua sắm MMTB, XDCB	1.177.792.909
2	Văn Phòng TCTy	Mua xe ô tô	2.812.200.000
3	Cty TNHH Vật liệu XD PISICO	Góp vốn thành lập	4.525.545.454
	<b>Tổng cộng</b>		<b>8.515.538.363</b>

#### 3.2 Các công ty con, công ty liên kết:

TT	Tên đơn vị	Vốn điều lệ	Tổng doanh thu	Lợi nhuận sau thuế	Hoạt động kinh doanh
<b>I</b>	<b>Công ty con</b>		<b>47.657.244.000</b>	<b>16.796.823.012</b>	
1	Công ty CP DV Phát triển Hạ tầng PBC	15.000.000.000	11.281.825.320	3.907.666.788	Đầu tư kinh doanh cụm công nghiệp, kinh doanh bất động sản
2	Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	10.000.000.000	36.375.418.680	12.889.156.224	Quản lý hoạt động và kinh doanh truyền hình cáp
<b>II</b>	<b>Công ty Liên kết</b>		<b>932.619.377.736</b>	<b>36.995.784.447</b>	
1	Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	9.500.000.000	383.916.813.525	9.800.648.969	Chế biến dăm gỗ, sản xuất nguyên liệu giấy
2	Công ty CP CB Gỗ PISICO Đồng An	17.600.000.000	229.672.420.122	10.831.174.368	Chế biến, kinh doanh các sản phẩm gỗ và gỗ kết hợp với các vật liệu khác

3	Công ty Cổ phần PISICO Hà Thanh	15.000.000.000	227.208.536.529	8.888.849.964	Chế biến dăm gỗ, sản xuất nguyên liệu giấy
4	Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Nội thất PISICO	15.000.000.000	91.821.607.560	7.475.111.146	Chế biến, kinh doanh các sản phẩm gỗ và gỗ kết hợp với các vật liệu khác
5	Công ty Cổ phần KD Công nông nghiệp Bình Định	150.000.000.000			Trồng cây cao su
6	Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng PISICO	20.000.000.000			Khai thác, kinh doanh đá vật liệu xây dựng

#### 4. Tình hình tài chính

##### a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	BCTC tổng hợp	BCTC hợp nhất
Tổng giá trị tài sản	415.385.226.722	492.150.622.475
Doanh thu thuần	335.245.441.280	381.118.363.782
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	22.476.081.164	45.512.259.743
Lợi nhuận khác	177.973.360	-136.643.717
Lợi nhuận trước thuế	22.654.054.524	45.375.616.026
Lợi nhuận sau thuế	20.935.137.617	37.816.488.587
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức		

##### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	BCTC tổng hợp	BCTC hợp nhất
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn		
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,56	1,83
+ Hệ số thanh toán nhanh		
<u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u>		
Nợ ngắn hạn	0,88	1,16

2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,28	0,27
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,38	0,37
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho		
<u>Giá vốn hàng bán</u>	5,25	5,44
Hàng tồn kho bình quân		
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,81	0,77
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	0,06	0,10
+ Hệ số LNST/vốn chủ sở hữu	0,07	0,10
+ Hệ số LNST/tổng tài sản	0,05	0,08
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	0,07	0,12

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 5.1 Cổ phần:

Tổng số 27.500.000 cổ phần, trong đó cổ phần được quyền chuyển nhượng tự do là 27.467.000 cổ phần, cổ phần hạn chế chuyển nhượng tại thời điểm hiện tại là 33.000 cổ phần. Lý do hạn chế là: Người lao động được mua thêm theo cam kết tiếp tục làm việc tại Tổng công ty sẽ phải hạn chế chuyển nhượng quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

### 5.2 Cơ cấu cổ đông:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
<b>I</b>	<b>Trong nước</b>	<b>294</b>	<b>27.500.000</b>	<b>100</b>
1	Tổ chức	02	26.627.000	96,82
2	Cá nhân	292	873.000	3,18
<b>II</b>	<b>Ngoài nước</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
1	Tổ chức	0	0	0
2	Cá nhân	0	0	0
	<b>Tổng</b>	<b>294</b>	<b>27.500.000</b>	<b>100%</b>

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn (cổ đông lớn) tại ngày 31/12/2015

Stt	Tên Cổ đông	Số CMT/Hộ chiếu/GCNDKKD	Địa chỉ	Số lượng (cổ phần)	% vốn điều lệ
1	Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Định	1086/QĐ-UB ngày 08/05/1997 của UBND tỉnh Bình Định	181 Lê Hồng Phong, TP Quy Nhơn, Bình Định	23.877.000	86,82
2	Công ty TNHH Thương Mại Ánh Vy	4100453032 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 23/11/2012	Lô B17 KCN Phú tài, P. Trần Quang Diệu, TP Quy Nhơn, Bình Định	2.750.000	10,0
	<b>Cộng</b>			<b>26.627.000</b>	<b>96,82%</b>

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

5.5 Các chứng khoán khác: không

### **III – BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Trong năm 2015 tình hình thị trường diễn biến khó lường, SXKD gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng với sự phấn đấu, nỗ lực của Lãnh đạo Tổng công ty và đóng góp của toàn thể các đơn vị trong hệ thống, nên về cơ bản Tổng công ty đã hoàn thành kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, kết quả đạt được giữa các đơn vị chưa đồng đều, vẫn còn 1 số đơn vị gặp khó khăn, không đạt các chỉ tiêu kế hoạch được giao, cụ thể:

\* 10 đơn vị hoạt động hiệu quả cao:

- Xí nghiệp Chế biến lâm sản Xuất khẩu PISICO
- Xí nghiệp Lâm nghiệp PISICO
- CTCP Chế biến gỗ PISICO – Đồng An
- CTCP Chế biến gỗ nội thất PISICO
- CTCP PISICO – Hà Thanh
- Cty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn
- Cty CP Chế biến lâm sản PISICO – Quảng Nam
- Cty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn
- Cty CP Dịch vụ Phát triển hạ tầng PBC
- CTCP Chế biến Tinh bột sắn XK Bình Định

\* 02 đơn vị đạt thấp các chỉ tiêu KH:

- Chi nhánh Tổng công ty PISICO
- Xí nghiệp Kinh doanh & Phát triển hạ tầng PISICO

\* 02 đơn vị đang trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản:

- CTCP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định.
- Cty TNHH Vật liệu xây dựng PISICO.

Trong điều kiện thị trường diễn biến phức tạp, vẫn còn nhiều rủi ro, thách thức; Song với sự nhạy bén, thận trọng và linh hoạt trong quản lý, chỉ đạo điều

hành từ HĐQT, Ban điều hành đến lãnh đạo các đơn vị thành viên, đã hạn chế và khắc phục có hiệu quả những khó khăn thách thức, tận dụng tối đa những lợi thế khi có cơ hội; nên kết thúc 2015, mặc dù một số chỉ tiêu toàn hệ thống chưa đạt kế hoạch; Nhưng chỉ tiêu chính và quan trọng nhất là chỉ tiêu lợi nhuận tại Công ty Mẹ (cơ sở chia cổ tức cho cổ đông) đảm bảo, cụ thể: đầu tư ngoài doanh nghiệp đạt 15,025 tỷ đồng, đạt 108% KH, lợi nhuận tại công ty mẹ đạt 7,629 tỷ đồng, đạt hơn 100% KH. Và đạt yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của năm 2015 là củng cố, ổn định sau CPH.

## **2. Tình hình tài chính**

### *2.1 Tình hình tài sản:*

Tổng tài sản tại ngày 31/12/2015 : 492.150.622.475đ.

#### ***Trong đó:***

- Tài sản dài hạn	: 292.489.879.952 đ, gồm:
+ Tài sản cố định	: 58.665.641.641 đ
+ Bất động sản	: 44.324.033.342 đ
+ Các khoản phải thu dài hạn	: 3.922.280.660 đ
+ Đầu tư tài chính dài hạn	: 178.187.094.825 đ
+ Tài sản dở dang dài hạn	: 2.587.071.927 đ
+ Tài sản dài hạn khác	: 4.803.757.557 đ
- Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	: 199.660.742.523 đ

### *2.2 Tình hình nợ phải trả:*

- Nợ phải trả	: 136.860.627.798đ, gồm:
+ Nợ ngắn hạn	: 109.073.443.731đ (không có nợ quá hạn)
+ Nợ dài hạn	: 27.787.184.067 đ (không có nợ quá hạn)

## **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: không**

## **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

### *4.1 Công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh:*

a) Đối với lĩnh vực chế biến gỗ xuất khẩu: tập trung chỉ đạo công tác thị trường tiêu thụ sản phẩm, nguyên liệu đầu vào. Có thể đầu tư thêm máy móc thiết bị hiện đại, nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất hoạt động để duy trì và phát triển hoạt động SXKD tốt hơn, đảm bảo cạnh tranh trên thị trường chế biến gỗ hiện nay. Riêng Xí nghiệp chế biến lâm sản XK PISICO, cần đầu tư và mở rộng quy mô hoạt động, tiến tới xây dựng Xí nghiệp là một trong những đơn vị mạnh trong lĩnh vực chế biến gỗ.



b) Lĩnh vực trồng rừng: Thực hiện liên doanh liên kết đầu tư trồng rừng, phát triển vùng nguyên liệu nhằm từng bước ổn định và đảm bảo nguyên liệu cho lĩnh vực chế biến gỗ và dăm gỗ.

- Đối với dự án trồng cây cao su tại Lào: Thông qua người đại diện vốn, tập trung, tăng cường chỉ đạo Công ty BIDINA giải quyết hoàn tất thủ tục pháp lý về đất đai của Dự án; duy trì công tác bảo vệ và chăm sóc vườn cây cao su nhằm đảm bảo chất lượng cây trồng; Đồng thời tích cực tìm kiếm đối tác chuyển nhượng phần vốn của PISICO tại BIDINA theo chủ trương của HĐQT đã được UBND tỉnh chấp thuận.

c) Lĩnh vực chế biến Dăm gỗ: Tập trung quản lý, chỉ đạo gắn kết các đơn vị với nhau, tạo sức mạnh cạnh tranh cả đầu vào và đầu ra, không bị hụt hẫng khi thị trường biến động.

d) Lĩnh vực hạ tầng Cụm công nghiệp: xây dựng các chính sách ưu đãi để thu hút đầu tư, nâng cao tỷ lệ lấp đầy tại 02 Cụm công nghiệp.

đ) Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ Truyền hình cáp: phối hợp với Công ty SCTV để nâng cấp mạng truyền hình cáp từ Analog sang kỹ thuật số để đảm bảo hoạt động theo lộ trình Số hóa truyền hình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

e) Ngoài ra, nghiên cứu đầu tư chế biến sâu sản phẩm từ nguồn nguyên liệu gỗ rừng trồng, nhằm nâng cao giá trị, tận dụng nguồn nguyên liệu trong tỉnh và các tỉnh miền Trung.

g) Thực hiện hỗ trợ vốn kịp thời cho tất cả các đơn vị thành viên.

h) Định hướng triển khai đầu tư một số dự án tại Công ty mẹ năm 2016 như sau:

<b>STT</b>	<b>TÊN DỰ ÁN</b>	<b>CHI TIẾT</b>	<b>TỔNG VỐN ĐẦU TƯ</b>	<b>GHI CHÚ</b>
1	Dự án đầu tư liên doanh, liên kết trồng rừng (diện tích 1.000ha)	Hợp tác đầu tư, trồng và khai thác rừng nguyên liệu giấy theo hình thức thuê lại đất, phân chia lợi nhuận với chủ sở hữu đất theo kết quả kinh doanh từng chu kỳ.	30 tỷ đồng	
2	Dự án đầu tư Nhà máy ván ghép thanh	Xây dựng Nhà máy trong hoặc ngoài tỉnh do PISICO đầu tư 100% vốn.	50 tỷ đồng	

3	Dự án đầu tư xây dựng kho nguyên liệu gỗ gắn với chuyển đổi mặt bằng Chi nhánh PISICO tại Tp. HCM	Đầu tư kho, kinh doanh nguyên liệu gỗ nhập khẩu gắn với chuyển đổi mặt bằng chi nhánh tại Tp. HCM	15 tỷ đồng	
<b>Tổng cộng</b>			95 tỷ đồng	

#### 4.2 Công tác nhân sự:

Tiếp tục kiện toàn công tác tổ chức và đang xây dựng đề án phát triển nguồn nhân lực tại các đơn vị thành viên và Văn phòng Tổng công ty, bảo đảm tính kế thừa, đáp ứng được tiến trình phát triển của PISICO.

#### 4.3 Công tác thị trường:

Hỗ trợ thiết thực công tác thị trường cho tất cả các Đơn vị trong hệ thống. Trong đó:

- Cần quan tâm mở rộng thị trường xuất khẩu sản phẩm gỗ như Mỹ, Úc và Nhật.
- Tìm và mở rộng thêm khách hàng Nhật Bản để tiêu thụ dăm gỗ.
- Xác định đối tác để nhập khẩu, kinh doanh gỗ nguyên liệu.

#### 4.4 Về cơ cấu lại vốn đầu tư:

- Tập trung tìm kiếm đối tác chuyển nhượng phần vốn của Tổng Công ty tại Công ty CP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định (BIDINA) để thu hồi vốn đầu tư vào các lĩnh vực khác có tiềm năng theo nội dung thống nhất của UBND tỉnh tại văn bản số 1163/UBND-KTN ngày 25/3/2015. Tuy nhiên, trước mắt cần tăng cường chỉ đạo BIDINA để đảm bảo chất lượng cây trồng và các thủ tục pháp lý về đất rừng.

- Thoái vốn tại Công ty CP CB tinh bột sắn: Hiện Sở tài chính đã có Văn bản số 3923/STC-TCDN ngày 07/12/2015 thống nhất chủ trương trình UBND tỉnh quyết định.

- Thực hiện thoái vốn Nhà nước tại Tổng công ty theo quyết định của UBND tỉnh.

### **5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không**

## **IV - ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty**

Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, với nhiều biến động phức tạp của thị trường thế giới và sự bất ổn của các quốc gia trong khu vực, đã ảnh hưởng và tác động lớn đến các doanh nghiệp trong nước nói chung, trong đó có PISICO. Nhưng với tinh thần đoàn kết thống nhất cao của toàn thể cán bộ nhân viên trong toàn tổng công ty, sự linh hoạt trong điều hành hoạt động thường xuyên của Ban tổng giám đốc, sự quan tâm, sâu sát trong quản lý, chỉ đạo của HĐQT, Tổng công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ ĐHCĐ đã giao.

Đối với các dự án đầu tư, tuy có biến động, ảnh hưởng đến thị trường nhưng vẫn còn nhiều cơ hội, nhưng TCTy chưa tận dụng tốt để đầu tư các dự án có trọng điểm, mang tính đột phá. Trong thời gian đến, cần quan tâm đầu tư dự án mới, có chiều sâu tạo tiền đề phát triển cho tổng công ty sau này. Đồng thời, mạnh dạn sắp xếp, củng cố các đơn vị hoạt động không có hiệu quả hoặc hiệu quả thấp, PISICO không tác động nhiều như BIDINA, Tinh Bột Sắn, PBC nhằm thu hồi vốn, tạo nguồn đầu tư các dự án khác hiệu quả hơn.

### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty**

#### *5.1 Ưu điểm:*

- Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các phó Tổng giám đốc và định kỳ tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc và giao kế hoạch công việc kỳ tới;

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật;

- Ban Tổng giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Tổng công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của TCTy; Thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các phòng nghiệp vụ tại TCTy.

#### *5.2 Tôn tại, hạn chế:*

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong năm 2014 Tổng công ty vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục; Cụ thể, Tổng giám đốc cần tiếp tục chỉ đạo các phòng ban/đơn vị trực thuộc:

- Tập trung sự chỉ đạo và rà soát nguồn nhân lực tại các bộ phận nghiên cứu phát triển, đầu tư xây dựng, kinh doanh xuất nhập khẩu nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu đã đề ra trong năm 2015 và những năm tiếp theo.

- Điều hành còn mang tính tập thể, chưa có đột phá trong công tác đầu tư phát triển dự án mới, đặc biệt là những dự án trọng điểm có thế mạnh của PISICO như chế biến gỗ, trồng rừng...

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Năm 2016 là năm thứ 3 hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Bên cạnh việc thực hiện nhiều mục tiêu mà ĐHĐCĐ thành lập đã thống nhất, chúng ta cần phải tăng cường đẩy mạnh các biện pháp hữu hiệu nhằm tăng tốc độ tăng trưởng phù hợp với quy mô và thế mạnh hiện tại của PISICO; đồng thời, sắp xếp củng cố những đơn vị hoạt động có hiệu quả thấp, hoặc đơn vị mà PISICO sở hữu tỷ lệ cổ phần thấp ... để tăng cường đầu tư vào những dự án có chiều sâu, tỷ lệ PISICO chi phối hoặc sở hữu 100% vốn. Theo nhận định của các chuyên gia kinh tế quốc tế, nền kinh tế của Việt Nam tuy đang có dấu hiệu phục hồi, nhưng năm 2016 vẫn còn rất nhiều khó khăn như lãi suất ngân hàng vẫn ở mức cao, đặc biệt là lãi suất trung dài hạn, tăng trưởng tín dụng chậm, .... Đối với PISICO, năm 2016, cũng là năm thực sự khó khăn và thách thức, khi mà một số tồn tại cũ vẫn chưa giải quyết dứt điểm, trong khi đó, nguy cơ rủi ro mới đã xuất hiện như bất động sản đầu tư chưa phát huy hiệu quả do công tác thu hút mời gọi đầu tư chưa tốt, nhà đầu tư thứ cấp hạn chế, điều kiện hạ tầng chưa đồng bộ.... Trước những khó khăn thách thức đó, Hội đồng quản trị sẽ cùng với Ban điều hành và tập thể CBCNV nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp, để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao năm 2016, với kế hoạch, định hướng sau:

- Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 do ĐHĐCĐ thông qua đảm bảo an toàn, hiệu quả và tiết kiệm hợp lý.

- Chỉ đạo triển khai quyết liệt và có hiệu quả các nghị quyết của HĐQT về: công tác tổ chức quản lý, tổ chức sản xuất; Đào tạo và luân chuyển cán bộ phù hợp với năng lực, sở trường, có chiều hướng phát triển, đáp ứng kịp thời với xu thế cạnh tranh ở quy mô và tốc độ phù hợp của Đơn vị; Giám sát hiệu quả đầu tư, kiểm soát nội bộ, sản xuất, quản lý điều hành kinh doanh thương mại, tài chính kế toán và kiểm tra giám sát, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

- Tiếp tục chỉ đạo cập nhật, điều chỉnh các quy chế, quy định, quy trình, hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật hiện có tại PISICO cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Tiếp tục thực hiện các thủ tục để thoái vốn nhà nước theo chỉ đạo của UNND Tỉnh.

- Tiếp tục triển khai hoàn thiện công tác sắp xếp, tái cấu trúc theo định hướng và kế hoạch đã đề ra; Chỉ đạo rà soát, hoàn thiện công tác lập quy hoạch, kế hoạch 5 năm và chiến lược phát triển của Tổng công ty, các đơn vị thành viên.

- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác đầu tư phát triển. Trong đó, tập trung vào các dự án trọng điểm thuộc lĩnh vực sản xuất chế biến gỗ, trồng rừng, chế biến đá xây dựng, hạ tầng giao thông, kinh doanh thương mại gỗ... để thực hiện chiến lược phát triển đa dạng hoá sản phẩm.

## V – QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị gồm có 05 thành viên, trong đó 03 thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và 02 thành viên Hội đồng quản trị điều hành, không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Cụ thể:

- Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành:

+ Ông: Nguyễn Đức Huyện, đại diện vốn Nhà nước sở hữu 30% vốn điều lệ, giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị,

+ Ông: Lê Trung Hậu, đại diện vốn Nhà nước sở hữu 15% vốn điều lệ, giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị,

+ Bà: Đồng Thị Ánh, đại diện cổ đông Công ty TNHH TM Ánh Vy sở hữu 10% vốn điều lệ.

- Thành viên Hội đồng quản trị điều hành:

+ Ông: Nguyễn Tấn Bình, đại diện vốn Nhà nước sở hữu 25% vốn điều lệ, giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.

+ Ông: Phùng Văn Nguyên, đại diện vốn Nhà nước sở hữu 16,82% vốn điều lệ, giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc.

#### 1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không

#### 1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc:

Trong năm qua, HĐQT với 05 thành viên đương nhiệm đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ quản trị của công ty cổ phần. HĐQT được tổ chức hoạt động chuyên trách, ra quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn.

Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban điều hành thông qua:

- Giám sát công tác lãnh đạo của Tổng Giám đốc công ty và đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh hàng quý, kịp thời chỉ đạo tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc; đưa ra các biện pháp khắc phục khó khăn trong tình hình kinh tế đất nước vẫn chưa được ổn định; nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch lợi nhuận và phân phối cổ tức cho cổ đông.

- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD, thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi báo cáo HĐQT.

- Trực tiếp chỉ đạo và có ý kiến đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành SXKD.

Đánh giá công tác năm 2015, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ, chức năng và quyền hạn của mình, hoàn thành nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao phó. Hội đồng quản trị cũng đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán do Tổng giám đốc trình bày.

Tổng kết các cuộc họp và Nghị quyết của Hội đồng quản trị:

Năm 2015, HĐQT Tổng Công ty PISICO Bình Định – CTCP đã họp 05 phiên họp và tổ chức 03 lần xin ý kiến bằng văn bản để HĐQT thông qua một số vấn đề thuộc thẩm quyền.

Việc triệu tập và tham gia cuộc họp của các thành viên HĐQT thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng Công ty. Trên cơ sở ý kiến thống nhất của các thành viên về các vấn đề được nêu trong cuộc họp, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, quyết định. Cụ thể như sau:

- Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 28/1/2015: Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch 2015, công tác đầu tư xây dựng cơ bản; Thống nhất chủ trương điều chỉnh, bổ sung Điều lệ của TCT phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014 và hoạt động thực tế; Thống nhất chủ trương thoái vốn tại công ty BIDINA; Thống nhất chủ trương thu hút đầu tư thứ cấp tại các CCN;

- Nghị quyết số 9/NQ-HĐQT ngày 25/2/2015: Thông qua phương án đầu tư Mở rộng quy mô chế biến gỗ của Tổng Công ty PISICO;

- Nghị quyết số 18/NQ-HĐQT ngày 24/3/2015: Thông qua một số nội dung trình ĐHCĐ thường niên 2015 theo quy định của Điều lệ TCT;

- Nghị quyết số 27/NQ-HĐQT ngày 3/6/2015: Thống nhất thông qua kế hoạch quỹ lương 2015 của TCT; Thông qua chủ trương về nhân sự, bổ nhiệm lại và bổ nhiệm mới các chức danh; Thông qua chủ trương xây dựng Quy chế Quản trị của TCT và đề án phát triển nguồn nhân lực tầm nhìn dài hạn sau 2018; Thông qua chủ trương tiếp tục ứng vốn kịp thời cho BIDINA;

- Quyết định số 31/NQ-HĐQT ngày 29/6/2015: về việc phê duyệt Phương án: Mở rộng quy mô chế biến gỗ của Tổng công ty PISICO;

- Quyết định số 33/NQ-HĐQT ngày 10/7/2015: về việc công bố kết quả xếp loại doanh nghiệp, xếp loại kết quả hoạt động thành viên quản lý, điều hành và kiểm soát TCT PISICO năm 2014;

- Quyết định số 36/NQ-HĐQT ngày 16/7/2015: về việc chi quỹ thưởng các thành viên, quản lý điều hành năm 2014;

- Quyết Định số 39/QĐ-HĐQT ngày 22/7/2015: về việc phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2014;

- Quyết Định số 45/QĐ-HĐQT ngày 31/8/2015: về việc xếp hạng doanh nghiệp đối với TCT PISICO;

- Quyết Định số 46/QĐ-HĐQT ngày 31/8/2015: về việc xếp hạng doanh nghiệp đối với Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn – là công ty con 100% vốn do PISICO sở hữu;

- Nghị quyết số 51/NQ-HĐQT ngày 25/9/2015: Thông qua giải pháp điều hành những tháng cuối năm 2015 của Ban điều hành Tổng công ty PISICO; Thông qua quy chế quản trị của TCTY PISICO; Thống nhất chủ trương chuyển đổi nghiên cứu đầu tư tại mỏ Núi Hát, xã Phước An, Tuy Phước, Bình Định; Thống nhất chủ trương thoái vốn của PISICO tại Công ty CP Tinh bột sắn Bình Định; Thống nhất chủ trương phát triển ngành nghề tại XNHT: đầu tư xây dựng công trình giao thông, công nghiệp và dân dụng; Thống nhất chủ trương xây dựng đề án phát triển nguồn nhân lực tầm nhìn dài hạn sau 2018 và rà soát đánh giá người đại diện phần vốn của PISICO tại các đơn vị để có cơ sở phân công lại phù hợp với năng lực sở trường của người đại diện tại các đơn vị thành viên; Thống nhất chủ trương tiếp tục phát triển và mở rộng quy mô rừng và đất trồng rừng;

- Quyết Định số 52/QĐ-HĐQT ngày 9/10/2015: về việc cử Người đại diện quản lý phần vốn của TCT PISICO tại đơn vị được hình thành từ dự án khai thác đá vật liệu xây dựng tại mỏ đá Núi Hát, xã Phước An, Tuy Phước, Bình Định;

- Quyết Định số 52/QĐ-HĐQT ngày 20/11/2015: phê duyệt và ban hành quy chế Quản trị TCT PISICO;

- Nghị quyết số 62/NQ-HĐQT ngày 30/12/2015: Thống nhất thông qua quy chế Công bố thông tin; Thống nhất giá tham chiếu của cổ phiếu PISICO ngày đầu tiên giao dịch trên thị trường UPCOM, giá 10.000 đồng/CP; Thống nhất nâng bậc lương đối với viên chức quản lý đang điều hành tại TCT; Thống nhất danh sách đề nghị xét khen thưởng năm 2015 của CBCNV Tổng công ty; Thống nhất tăng VDL tại Công ty BIDINA từ 150 lên 170 tỷ đồng; Rà soát và phân công lại người đại diện của PISICO tại các đơn vị cho phù hợp với năng lực sở trường của từng người đại diện vốn của PISICO;

- Quyết Định số 63/QĐ-HĐQT ngày 30/12/2015: về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Vật liệu xây dựng PISICO, trong đó PISICO góp 35% VDL tại đơn vị.

*1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: không*

*1.5 Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không*

## **2. Ban kiểm soát**

*2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:*



Ban kiểm soát Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần được Đại hội cổ đông thành lập Tổng công ty bầu ngày 26 tháng 01 năm 2014 gồm có 03 thành viên:

Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu (%)
Nguyễn Trọng Phước	Trưởng BKS	0
Nguyễn Tấn Bảo Toàn	Thành viên	0,0182
Nguyễn Thị Như Ý	Thành viên	0

## 2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2015, BKS đã tổ chức họp 3 cuộc họp để phân công các thành viên thực hiện công việc theo yêu cầu từng thời điểm, thông qua kế hoạch kiểm tra, giám sát định kỳ năm 2015 và kiểm tra đột xuất khi có yêu cầu của cổ đông và chủ sở hữu, đồng thời thông qua kết quả kiểm tra, giám sát của BKS sau khi thực hiện. Cụ thể như sau:

- Đã thực hiện công tác kiểm tra Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm, thẩm định báo cáo tài chính năm 2015 của Tổng công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán D.T.L - Chi nhánh Miền Trung; Giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty năm 2015 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên đối với HĐQT và Ban điều hành để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2016.

- Thực hiện kiểm tra đột xuất tình hình quản lý, sử dụng vốn và hạch toán kế toán theo yêu cầu của cổ đông và chủ sở hữu tại các công ty liên doanh liên kết và đơn vị trực thuộc Tổng công ty.

- Kiểm tra và giám sát việc ban hành và thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban điều hành;

Ngoài ra, Trưởng BKS tham dự các cuộc họp của HĐQT và tham gia góp ý, vào các nội dung nêu ra trong các cuộc họp của HĐQT.

Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát nhận được sự phối hợp và hỗ trợ của HĐQT, Ban điều hành cũng như các Phòng nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc để Ban kiểm soát thực hiện hoàn thành nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao.

- Về tiền lương và thù lao của BKS thực hiện theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2015 và Quy chế trả lương của Tổng công ty (*trong năm tài chính BKS đã nhận 80% tiền lương, thù lao theo kế hoạch năm 2015 là 201,6/252 triệu đồng*).

- Về phân đánh giá từng thành viên BKS: Năm 2015, các thành viên đã nghiêm túc thực hiện quyền hạn, trách nhiệm trong việc thực thi nhiệm vụ được

giao một cách trung thực, khách quan với tinh thần vì lợi ích của cổ đông và chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát**

#### *3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích nhận trong năm 2015*

<b>St t</b>	<b>Họ và Tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích (/năm)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Nguyễn Đức Huyền	CT HĐQT	815.998.470	
2	Nguyễn Tấn Bình	TGD, TV HĐQT	833.581.100	
3	Phùng Văn Nguyên	P.TGD, TV HĐQT	625.143.286	
4	Lê Trung Hậu	TV HĐQT	91.100.000	<i>Thù lao nhận 100% + tiền thưởng 2014</i>
5	Đông Thị Ánh	TV HĐQT	83.900.000	<i>Thù lao nhận 80% + tiền thưởng 2014</i>
6	Phan Hữu Bạ	P.TGD	652.215.269	
7	Nguyễn Thị Ngọc Anh	P.TGD	674.052.265	
8	Nguyễn Trọng Phước	Trưởng BKS	289.635.761	
9	Nguyễn Tấn Bảo Toàn	TV BKS	19.400.000	<i>Thù lao nhận 80% + tiền thưởng 2014</i>
10	Nguyễn Thị Như Ý	TV BKS	19.400.000	<i>Thù lao nhận 80% + tiền thưởng 2014</i>

*3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không*

*3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không*

*3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: không có nội dung chưa thực hiện được.*

## VI - BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Ý kiến kiểm toán

Số: 26/BCKT/2016-DTLMT

#### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kinh gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

##### **Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 21/03/2016 từ trang 5 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

##### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

##### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

##### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Đầu tư của Tổng Công ty vào các công ty liên kết được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo phương pháp vốn chủ sở hữu, số tiền: 171.501.974.829 đồng nhưng các báo cáo này chưa được kiểm toán. Do giới hạn về phạm vi kiểm toán nêu trên nên chúng tôi không đưa ra ý kiến về các số liệu hợp nhất có liên quan về khoản đầu tư vào Công ty liên kết.





### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ sự ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" thì các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 4.1 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó trình bày việc Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư này có hiệu lực từ năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 202 thay thế cho các quy định trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con. Để bảo đảm tính so sánh, một số số liệu so sánh đã được báo cáo lại như trình bày tại mục 4.24 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính này tại ngày 09/03/2015.



**Trần Dương Nghĩa**

**Giám đốc**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
1309-2015-026-1

**Kim Văn Việt**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
1486-2015-026-1

*Thay mặt và đại diện*

**Công ty TNHH Kiểm toán DTL – Văn phòng Miền Trung**  
**Thành viên Hãng RSM Quốc tế**

*Đà Nẵng, ngày 21 tháng 03 năm 2016*

## 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ràng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Mẫu số B 01 – DN/HN

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>199.660.742.523</b>	<b>141.089.548.405</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>23.896.263.052</b>	<b>42.376.079.675</b>
1. Tiền	111		8.396.263.052	8.206.079.675
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.500.000.000	34.170.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>16.350.000.000</b>	<b>10.700.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	16.350.000.000	10.700.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>81.502.591.973</b>	<b>40.408.588.771</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	40.717.147.942	34.014.881.177
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	32.449.302.373	1.823.538.550
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	7.527.500.000	2.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	4.692.522.590	6.448.960.047
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(3.883.880.932)	(3.878.791.003)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>73.299.678.909</b>	<b>41.275.878.567</b>
1. Hàng tồn kho	141		73.299.678.909	41.275.878.567
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.612.208.589</b>	<b>6.329.001.392</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	213.802.401	86.602.738
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.398.406.188	5.340.271.375
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	902.127.279
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>292.489.879.952</b>	<b>283.814.251.745</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.922.280.660</b>	<b>3.979.576.072</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	10	3.922.280.660	3.979.576.072
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>58.665.641.641</b>	<b>58.712.862.140</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	39.294.118.649	39.032.698.860
- Nguyên giá	222		96.671.827.541	91.025.242.154
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.377.708.892)	(51.992.543.294)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	19.371.522.992	19.680.163.280
- Nguyên giá	228		20.225.084.480	20.225.084.480
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(853.561.488)	(544.921.200)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>16</b>	<b>44.324.033.342</b>	<b>49.672.946.615</b>
- Nguyên giá	231		83.745.552.990	83.649.538.445
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(39.421.519.648)	(33.976.591.830)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.587.071.927</b>	<b>631.127.009</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	2.587.071.927	631.127.009
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>178.187.094.825</b>	<b>168.604.836.164</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		171.501.974.829	156.919.716.168
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.685.119.996	11.685.119.996
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.803.757.557</b>	<b>2.212.903.745</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	4.803.757.557	2.212.903.745
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>492.150.622.475</b>	<b>424.903.800.150</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>136.860.627.798</b>	<b>84.741.098.597</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>109.073.443.731</b>	<b>69.752.123.543</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	17.281.249.619	13.722.808.765
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	3.162.088.877	3.494.637.968
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	2.942.581.132	1.264.943.199
4. Phải trả người lao động	314		10.487.452.438	12.290.685.810
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	1.470.413.207	884.209.833
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	24	3.536.578.816	3.585.062.247
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	3.033.944.011	4.546.005.265
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	65.112.085.420	29.686.332.056
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.047.070.411	278.438.361
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>27.787.184.067</b>	<b>14.988.975.054</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	24	14.295.270.930	14.988.975.054
2. Phải trả dài hạn khác	337	25	4.928.380.712	-
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	8.563.532.425	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>355.289.994.677</b>	<b>340.162.701.553</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>26</b>	<b>355.289.994.677</b>	<b>340.162.701.553</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		522.569.600	522.569.600
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	4.928.380.712
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		29.220.288.321	25.551.793.308
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.335.610.923	1.200.839.347
6. Lợi nhuận chưa phân phối	421		38.698.544.409	26.855.248.308
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.433.251.732	5.725.297.734
- LNST chưa PP kỳ này	421b		33.265.292.677	21.129.950.574
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		6.512.981.424	6.103.870.278
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>492.150.622.475</b>	<b>424.903.800.150</b>

Bình Định, ngày 21 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN NGỌC MINH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



THÁI MINH TRUNG



T. CÔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TÂN BÌNH

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
KINH DOANH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 02 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	28	381.118.363.782	303.289.402.667
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10	28	381.118.363.782	303.289.402.667
4. Giá vốn hàng bán	11	29	311.418.080.506	256.741.155.802
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		<b>69.700.283.276</b>	<b>46.548.246.865</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	5.533.198.440	4.857.722.540
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	31	3.812.885.048	670.380.892
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.927.085.658	307.391.966
8. Phần lãi hoặc lỗ trong C.ty liên doanh, liên kết	24		14.344.864.504	9.733.921.530
9. Chi phí bán hàng	25	32	16.173.931.251	9.833.139.869
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	24.079.270.178	19.069.017.867
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<b>45.512.259.743</b>	<b>31.547.352.307</b>
12. Thu nhập khác	31	34	195.048.548	45.841.155
13. Chi phí khác	32	35	331.692.265	393.751.971
14. Lợi nhuận khác	40		<b>(136.643.717)</b>	<b>(347.910.816)</b>
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	36	<b>45.375.616.026</b>	<b>31.199.441.491</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	6.419.391.293	4.705.399.143
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	36	<b>38.956.224.733</b>	<b>26.494.042.348</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		37.816.488.587	25.910.324.975
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.139.736.146	583.717.373
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	1.355	773
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	38	1.355	773

Bình Định, ngày 21 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN NGỌC MINH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

THÁI MINH TRUNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TÂN BÌNH

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	45.375.616.026	31.199.441.491
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao Tài sản cố định	02	11.662.638.372	11.013.592.610
- Các khoản dự phòng	03	5.089.929	1.370.410.050
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	210.802.414	24.624.069
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(18.381.062.444)	(13.903.462.028)
- Chi phí lãi vay	06	1.927.085.658	307.391.966
<b>3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>40.799.969.955</b>	<b>30.011.998.158</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(7.308.073.156)	(6.687.986.828)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(32.023.800.342)	73.017.333
- Tăng, giảm khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	344.253.565	4.578.677.683
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.712.381.629)	2.070.005.952
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.915.717.188)	(301.574.368)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.388.218.335)	(6.686.374.955)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	52.210.000	34.451.479
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(8.108.367.950)	(64.133.252.512)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(15.260.125.080)</b>	<b>(41.041.038.058)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(37.224.666.305)	(2.404.663.515)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và TS DH khác	22	176.543.290	10.818.173
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(14.627.500.000)	(17.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	3.450.000.000	18.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.525.545.454)	(4.220.966.666)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.400.713.916	10.810.025.195
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(35.350.454.553)</b>	<b>4.495.213.187</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	202.246.665.463	67.471.761.539
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(158.454.998.252)	(53.153.421.085)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.656.250.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>32.135.417.211</b>	<b>14.318.340.454</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(18.475.162.422)</b>	<b>(22.227.484.417)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>42.376.079.675</b>	<b>64.598.006.847</b>
<b>Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(4.654.201)</b>	<b>5.557.245</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>23.896.263.052</b>	<b>42.376.079.675</b>

Ngày 21 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN NGỌC MINH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

THÁI MINH TRUNG



KÔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN TÂN BÌNH



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### **1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

#### **1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần ("Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất Nhập khẩu Bình Định, là công ty nhà nước được thành lập theo Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 23/06/2010 của Ủy Ban nhân dân Tỉnh Bình Định. Ngày 17/10/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 3065/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa chuyển Tổng Công ty Sản xuất Đầu tư Dịch vụ Xuất Nhập khẩu Bình Định thành Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4100258987 ngày 01/09/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 6 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 21 tháng 08 năm 2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 275.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được đặt tại 99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Tổng Công ty đầu tư vào 2 công ty con như được trình bày tại mục 1.6 dưới đây (Cùng với Tổng Công ty dưới đây gọi chung là Tổng Công ty).

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31/12/2015 gồm:

<b>Tên công ty</b>	<b>Địa chỉ trụ sở chính</b>
Chi nhánh Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần	104 Nguyễn Chí Thanh, Phường 03, Quận 10, TP. HCM
Xi nghiệp Chế biến Lâm sản Xuất khẩu Pisico - Chi nhánh Pisico	Khu vực 7, P. Nhơn Phú, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định
Xi nghiệp Lâm nghiệp Pisico - Chi nhánh Pisico	Tổ 6, Khu vực 7, P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định
Xi nghiệp Kinh doanh và Phát triển Hạ tầng Pisico - Chi nhánh Pisico	99 Tây Sơn, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định

#### **1.2. Lĩnh vực kinh doanh:** *Hoạt động sản xuất giường, tủ, bàn, ghế, chế biến lâm sản, trồng rừng và khai thác rừng, khai thác gỗ.*

#### **1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ);
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm tre, nứa, rơm, ra và vật liệu tết bện (Chi tiết: Chế biến lâm sản);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác gỗ;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Chi tiết: Tư vấn thiết kế công trình lâm sinh);

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất)*

- Hoạt động truyền hình (Chi tiết: Kinh doanh truyền hình cáp);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Đầu tư hạ tầng, kinh doanh bất động sản);
- Xây dựng nhà các loại (Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng);
- Bán buôn tổng hợp (Chi tiết: Kinh doanh nguyên liệu giấy; mua bán hàng nông, lâm, thủy sản; mua bán hàng công nghiệp thực phẩm, thức ăn chăn nuôi; mua bán máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên phụ liệu phục vụ ngành nông, lâm nghiệp; mua bán máy móc, phương tiện vận tải; kinh doanh vật tư, thiết bị viễn thông);
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Chế biến hàng nông sản);
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (Chi tiết: Chế biến thủy sản);
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Khai thác khoáng sản);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Chế biến khoáng sản);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Mua bán hạt nhựa, mù cào su, cào su tổng hợp, sợi, bột màu, nhựa đường, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh và thuốc bảo vệ thực vật));
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Chi tiết: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét làm vật liệu xây dựng thông thường);
- Cát tạo dáng và hoàn thiện đá (Chi tiết: Chế biến đá);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: Sản xuất hạt nhựa và các sản phẩm khác từ nhựa).

### **1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

### **1.5. Cấu trúc Tổng Công ty**

Tổng Công ty được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm Công ty mẹ và 02 công ty con trực tiếp.

### **1.6. Số lượng các công ty con được hợp nhất**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có các công ty con và công ty liên doanh, liên kết kết như sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất)

*Các công ty con trực tiếp*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ
1. Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Hạ tầng P.B.C	P. Nhơn Bình, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định	Đầu tư kinh doanh Công nghiệp, kinh doanh Bất động sản	70,83%	70,83%
2. Công ty TNHH MTV Truyền hình Cấp Quy Nhơn	198 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định	Quản lý hoạt động và kinh doanh truyền hình cáp	100,00%	100,00%

**1.7. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ
1. Công ty Cổ phần Kinh doanh Công Nông nghiệp Bình Định	99 Tây Sơn, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định	Trồng cây cao su	50,00%	50,00%
2. Công ty TNHH Nguyên liệu Giấy Quy Nhơn	Đường số 10, KCN Phú Tài, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định	Chế biến dăm gỗ, sản xuất nguyên liệu giấy	45,00%	45,00%
3. Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Nội thất Pisico	Lô C6-C7, KCN Phú Tài, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định	Chế biến, kinh doanh các sản phẩm gỗ và gỗ kết hợp với các vật liệu khác	40,01%	40,01%
4. Công ty Cổ phần Pisico Hà Thanh	CCN Cam Vinh, H. Văn Canh, T. Bình Định	Chế biến dăm gỗ, sản xuất nguyên liệu giấy	40,00%	40,00%
5. Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Pisico Đồng An	Lô C, KCN Đồng An, H. Thuận An, T. Bình Dương	Chế biến, kinh doanh các sản phẩm gỗ và gỗ kết hợp với các vật liệu khác	31,28%	31,28%
6. Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Pisico	Thôn Quy Hội, Xã Phước An, H. Tuy Phước, T. Bình Định	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	35,00%	35,00%

**2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam.

#### 3.2. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

### 4. Các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1. Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

#### 4.2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### 4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.4. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Cụ thể, khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có thể không thu hồi được khoản đầu tư này thì xử lý như sau:

- Nếu giá trị tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì phần chênh lệch giữa giá trị có thể thu hồi nhỏ hơn giá trị ghi sổ khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí tài chính;
- Nếu giá trị tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì thuyết minh rõ trên báo cáo tài chính hợp nhất về khả năng thu hồi và không ghi giảm khoản đầu tư.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất)*

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

### **Các khoản cho vay**

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản cho vay là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

### **Đầu tư vào công ty con; Công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác**

Công ty con là một công ty chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Mỗi quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Tổng Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Tổng Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Thời điểm ghi nhận ban đầu đối với các khoản đầu tư là thời điểm Tổng Công ty chính thức có quyền sở hữu. Cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

### **Dự phòng**

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con; công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Tổng Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính hợp nhất của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất của công ty nhận đầu tư.

## **4.5. Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch mua bán;



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Phải thu khác là các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản nợ phải thu được Tổng Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải thu là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên giao dịch.

### 4.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Trị giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Tổng Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Tổng Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### 4.8. Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

#### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc, thiết bị	03 – 12



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất)

Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định hữu hình khác	04 – 10

### 4.9. Tài sản cố định vô hình

#### *Nguyên giá*

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

#### *Quyền sử dụng đất*

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đến bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

#### *Khấu hao*

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lộ đất.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

### 4.10. Bất động sản đầu tư

#### *Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

#### *Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính của bất động sản đầu tư: 5 - 20 năm.

### 4.11. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thời điểm ghi nhận nợ phải trả là thời điểm phát sinh nghĩa vụ phải thanh toán của Tổng Công ty hoặc khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra.

Các khoản nợ phải trả được Tổng Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải trả là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất)

theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

### 4.12. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Chi phí phải trả của Tổng Công ty là chi phí lãi vay, được xác định theo số nợ gốc còn lại cho số ngày chưa tính lãi và lãi suất quy định.

### 4.13. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Tổng Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tổng Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Tổng Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### 4.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo điều lệ Tổng Công ty hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận chỉ thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Cổ tức, lợi nhuận trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

### 4.15. Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất)

- ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### 4.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

Các khoản giảm giá vốn trong kỳ bao gồm hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ,...

### 4.17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

### 4.18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi Tổng Công ty hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

### 4.19. Thuế

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

#### *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành như sau:

- Đối với lĩnh vực cho thuê cơ sở hạ tầng tại Cụm công nghiệp Cát Nhơn và Canh Vinh Tổng Công ty được miễn thuế 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo. Năm 2012 là năm đầu tiên lĩnh vực cho thuê cơ sở hạ tầng có thu nhập chịu thuế.
- Đối với lĩnh vực cho thuê cơ sở hạ tầng tại Cụm công nghiệp Nhơn Bình Tổng Công ty được hưởng thuế suất 20%;
- Đối với các lĩnh vực khác áp dụng mức thuế suất 22%.

#### *Các loại thuế khác*

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 4.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### 4.21. Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất)*

### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu về cho vay, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **4.22. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

#### **4.23. Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

#### *Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát*

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

#### *Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ*

Tất cả các số dư và giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

#### **4.24. Số liệu so sánh**

Như trình bày tại mục 4.1, từ năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do ảnh hưởng của việc áp dụng các hướng dẫn trong thông tư này nên để bảo đảm tính so sánh của các số liệu, một vài số liệu của bảng cân đối hợp nhất ngày 31/12/2014, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 đã được trình bày lại, cụ thể như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất)

Đơn vị tính: VND

Bảng cân đối kế toán (trích)

TÀI SẢN	Mã số	Số đầu năm (trình bày lại)	Số đầu năm (đã trình bày trước đây)
1. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	2.000.000.000	-
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	6.448.980.047	8.148.128.954
3. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	86.938.792
4. Phải thu dài hạn khác	216	3.979.576.072	4.193.470.373
NGUỒN VỐN	Mã số	Số đầu năm (trình bày lại)	Số đầu năm (đã trình bày trước đây)
1. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	3.585.062.247	-
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	14.988.975.054	18.574.037.301
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	1.200.839.347	541.143.952
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	-	659.895.395

Báo cáo kết quả kinh doanh (trích)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm trước (trình bày lại)	Năm trước (đã trình bày trước đây)
1. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	773	942
2. Lợi suy giảm trên cổ phiếu	71	773	942

5. Tiền

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
- Tiền mặt tại quỹ		153.755.182		212.854.555
+ VND		153.755.182		212.854.555
- Tiền gửi ngân hàng		8.242.507.870		7.993.225.120
+ VND		5.180.654.735		3.781.815.707
+ USD	135.716,68 #	3.046.839.465	196.616,36 #	4.203.671.453
+ EUR	615,39 #	15.013.670	299,29 #	7.737.960
- Các khoản tương đương tiền		15.500.000.000		34.170.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		15.500.000.000		34.170.000.000
<b>Cộng</b>		<b>23.896.263.052</b>		<b>42.376.079.675</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 6. Các khoản đầu tư tài chính

#### a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Đánh giá lại	Giá trị ghi sổ	Đánh giá lại	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng	16.350.000.000	16.350.000.000	10.700.000.000	10.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>16.350.000.000</b>	<b>16.350.000.000</b>	<b>10.700.000.000</b>	<b>10.700.000.000</b>

#### b. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ	Giá gốc D/phòng	Tỷ lệ	Giá gốc D/phòng
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>		<b>171.501.974.829</b>	-	<b>156.919.716.168</b>
- Công ty CP Kinh doanh CNN Bình Định	50,00%	124.681.921.476	-	121.013.426.463
- Công ty Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	45,00%	13.522.572.431	-	11.609.101.509
- Công ty CP Chế biến gỗ PISICO Đồng An	31,28%	8.814.989.800	-	6.417.948.858
- Công ty CP Chế biến gỗ Nội thất PISICO	40,01%	11.560.330.471	-	11.838.164.127
- Công ty CP PISICO - Hà Thanh	40,00%	8.396.615.197	-	6.041.075.211
- Công ty TNHH Vật liệu XD PISICO	35,00%	4.525.545.454	-	-
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>6.685.119.996</b>	-	<b>11.685.119.996</b>
- Công ty CP XNK - DV và Đầu tư Việt Nam		20.000.000	-	20.000.000
- Công ty CP CB tinh bột sắn Bình Định		2.888.169.130	-	2.888.169.130
- Công ty CP CB Lâm sản Pisico Quảng Nam		3.776.950.866	-	3.776.950.866
- Công ty CP DL Sài Gòn Quy Nhơn		-	-	5.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>178.187.094.825</b>		<b>168.604.836.164</b>

Tổng Công ty đã nhận được đầy đủ các Báo cáo tài chính của các đơn vị nhận đầu tư với kết quả kinh doanh có lãi và vốn chủ sở hữu bảo toàn và phát triển. Các Công ty mà Tổng Công ty đầu tư chưa được niêm yết trên các sàn giao dịch. Tổng Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này tại thời điểm cuối kỳ. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng giá trị ghi nhận của các khoản vốn đã đầu tư là hợp lý. Do đó, các khoản đầu tư vào các công ty trên được ghi nhận theo giá gốc.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất)

**7. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH trồng rừng Quy Nhơn	3.270.116.932	187.098.161
Khách hàng DEHNER	2.031.410.700	2.010.234.189
Khách hàng COOP ITALIA	3.925.056.975	577.260.000
Khách hàng SMT J/S	-	6.243.332.867
Khách hàng HAGEBAU	-	6.161.239.440
Khách hàng Globus (nordio)	1.782.530.000	-
Khách hàng Conforama	2.897.889.773	-
Khách hàng ADEO	9.246.427.620	-
Công ty TNHH Vạn Đại	2.450.960.152	1.496.340.948
Công ty TNHH Tân Vinh Thái	2.678.194.344	-
DNTN Minh Ân	1.453.373.195	1.678.153.195
Cty CP Vận tải & thuê tàu biển VN	-	2.247.102.844
Cty TNHH TM Ánh Việt	342.905.063	717.610.730
DNTN Phú Lợi	995.933.390	485.500.430
Cty TNHH TM Phú Mỹ	992.482.780	732.556.940
Cty CP DV Công nghiệp Hàng Hải	1.093.959.299	282.172.723
Các đối tượng khác	7.555.907.719	11.196.278.710
<b>Cộng</b>	<b>40.717.147.942</b>	<b>34.014.881.177</b>

**8. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Phú Tài	-	200.000.000
Công ty TNHH Thảo Truyền	2.439.000.000	-
DNTN Dệt may Vạn Phát	27.484.139.032	-
Công ty CP Tân Tiến	-	439.400.000
DNTN Quyền Thắng	148.081.741	884.452.000
Các đối tượng khác	2.378.081.600	299.686.550
<b>Cộng</b>	<b>32.449.302.373</b>	<b>1.823.538.550</b>

**9. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Kinh doanh Công Nông nghiệp Bình Định	7.527.500.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.527.500.000</b>	<b>2.000.000.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 10. Phải thu khác

#### a. Ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tam ứng	191.124.590	-	86.938.792	-
BHXX, BHYT, BHTN	77.673.415	-	428.362.460	-
Cty CP CB Tỉnh bột sắn BĐ	2.504.200.000	-	1.972.480.000	-
Kỳ cược, kỳ quỹ	409.022.716	-	-	-
Cổ tức phải thu	1.200.400.000	-	3.353.992.000	-
Lãi dự thu	208.437.500	-	229.778.257	-
Phải thu khác	101.664.369	-	377.408.538	-
<b>Cộng</b>	<b>4.692.522.590</b>	<b>-</b>	<b>6.448.960.047</b>	<b>-</b>

#### b. Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu Nhà nước:	3.922.280.660	-	3.979.576.072	-
- BT về đất CNN Cát Nhơn	3.879.460.660	-	3.879.460.660	-
- BT khu cải tạo CNN Cát Nhơn	42.820.000	-	42.820.000	-
- BT GPMB CNN Nhơn Bình	-	-	57.295.412	-
<b>Cộng</b>	<b>3.922.280.660</b>	<b>-</b>	<b>3.979.576.072</b>	<b>-</b>

### 11. Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn

#### a. Ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	1.608.090.384	1.151.041.154
Nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.558.399.088	1.533.251.115
Nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	717.391.460	1.184.498.734
<b>Cộng</b>	<b>3.883.880.932</b>	<b>3.878.791.003</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất)

### b. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Đối tượng</b>				
<b>Phải thu khó có khả năng thu hồi</b>	<b>4.863.837.639</b>	<b>979.956.707</b>	<b>5.308.141.122</b>	<b>1.429.350.119</b>
Công ty TNHH TMDV Văn Nguyễn	263.083.641	-	263.083.641	-
Công ty TNHH Vạn Đại	1.574.243.259	709.818.260	-	-
Công ty TNHH SX TM Gia Định	-	-	545.740.347	-
DNTN Minh Ân	1.453.373.195	-	1.678.153.195	448.211.668
Công ty CP VT và thuê tàu biển VN	-	-	1.495.082.905	592.098.067
Công ty TNHH Thương mại Phú Mỹ	732.556.940	196.833.351	485.500.430	194.520.193
DNTN Phú Lợi	485.500.430	73.305.096	485.500.430	194.520.193
Công ty TM Thăng Long TNHH	335.080.174	-	335.080.174	-
Các đối tượng khác	20.000.000	-	20.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.863.837.639</b>	<b>979.956.707</b>	<b>5.308.141.122</b>	<b>1.429.350.119</b>

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc các khoản phải thu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

### 12. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	16.788.914.855	-	16.472.443.108	-
Công cụ, dụng cụ	1.619.502.050	-	949.534.782	-
Chi phí SX, KD dở dang	27.923.738.107	-	20.478.162.793	-
Thành phẩm	6.527.750.364	-	2.567.721.495	-
Hàng hóa	20.439.773.533	-	808.016.389	-
<b>Cộng</b>	<b>73.299.678.909</b>	<b>-</b>	<b>41.275.878.567</b>	<b>-</b>

### 13. Chi phí trả trước

#### a. Ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	199.521.084	83.402.738
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	14.281.317	3.200.000
<b>Cộng</b>	<b>213.802.401</b>	<b>86.602.738</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất)

**b. Dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	642.790.460	737.428.405
Chi phí thuê đất KCN Phú Tài	2.816.254.557	-
Chi phí sửa chữa	1.307.297.436	1.337.720.943
Chi phí trả trước dài hạn khác	37.415.104	137.754.397
<b>Cộng</b>	<b>4.803.757.557</b>	<b>2.212.903.745</b>

**14. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu kỳ	46.938.429.766	31.223.332.655	11.116.905.641	853.127.751	693.445.341	91.025.242.154
Tăng trong kỳ	909.160.909	2.525.797.101	2.812.200.000	-	-	6.247.158.010
- Mua sắm trong kỳ	909.160.909	268.632.000	2.812.200.000	-	-	3.985.952.909
- XDCB hoàn thành	-	2.257.165.101	-	-	-	2.257.165.101
Giảm trong kỳ	540.730.500	59.842.123	-	-	-	600.572.623
- Tỉy, nhượng bán	-	59.842.123	-	-	-	59.842.123
- Giảm do giphong MB	494.965.871	-	-	-	-	494.965.871
- Giảm theo TT45	45.764.629	-	-	-	-	45.764.629
Trình bày lại	(167.524.341)	-	-	-	167.524.341	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>47.139.335.834</b>	<b>33.689.287.633</b>	<b>13.929.105.641</b>	<b>853.127.751</b>	<b>1.060.970.682</b>	<b>96.671.827.541</b>
<b>Khấu hao</b>						
Số đầu kỳ	20.637.470.731	22.616.571.471	8.003.242.078	389.024.102	346.234.914	51.992.543.294
Tăng trong kỳ	2.184.794.706	2.364.825.070	1.134.063.588	98.587.011	126.799.889	5.909.070.266
- Khấu hao trong kỳ	2.184.794.706	2.364.825.070	1.134.063.588	98.587.011	126.799.889	5.909.070.266
Giảm trong kỳ	464.062.545	59.842.123	-	-	-	523.904.668
- Tỉy, nhượng bán	-	59.842.123	-	-	-	59.842.123
- Giảm do giphong MB	423.969.762	-	-	-	-	423.969.762
- Giảm theo TT45	40.092.783	-	-	-	-	40.092.783
Trình bày lại	(148.261.135)	-	-	-	148.261.135	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>22.209.941.759</b>	<b>24.921.554.418</b>	<b>9.137.305.664</b>	<b>487.611.113</b>	<b>621.295.938</b>	<b>57.377.708.892</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu kỳ	26.300.959.035	8.606.761.184	3.113.663.565	464.103.649	547.211.427	39.032.698.860
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>24.929.394.075</b>	<b>8.767.733.215</b>	<b>4.791.799.977</b>	<b>365.518.638</b>	<b>439.674.744</b>	<b>39.294.118.649</b>

- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 12.142.454.368 đồng;
- Nguyên giá của TSCĐ mang đi thế chấp tại ngân hàng là 16.799.324.014 đồng;
- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ mang đi thế chấp tại ngân hàng là 3.985.844.443 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất)

**15. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất tại Quy Nhơn	Quyền sử dụng đất tại Hồ Chí Minh	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	13.607.264.000	6.617.820.480	20.225.084.480
Mua trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>13.607.264.000</b>	<b>6.617.820.480</b>	<b>20.225.084.480</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu năm	544.921.200	-	544.921.200
Khấu hao trong năm	308.640.288	-	308.640.288
<b>Số cuối năm</b>	<b>853.561.488</b>	<b>-</b>	<b>853.561.488</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	13.062.342.800	6.617.820.480	19.680.163.280
<b>Số cuối năm</b>	<b>12.753.702.512</b>	<b>6.617.820.480</b>	<b>19.371.522.992</b>

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất, cụ thể:

- Quyền sử dụng đất tại Quy Nhơn là Trụ sở văn phòng Tổng Công ty (số 99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định). Thời gian sử dụng đất là 50 năm, kể từ ngày 28/04/2007 để ngày 27/04/2057).
- Quyền sử dụng đất tại Hồ Chí Minh là quyền sử dụng đất lâu dài tại Trụ sở văn phòng Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh (số 104 Nguyễn Chí Thanh, Phường 3, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh).
- Nguyên giá của TSCĐ mang đi thế chấp tại ngân hàng là 13.607.264.000 đồng.
- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ mang đi thế chấp tại ngân hàng là 12.753.702.512 đồng.

**16. Bất động sản đầu tư**

	Mẹ		P.B.C	Cộng
	Công trình hạ tầng CCN Cát Nhơn	Công trình hạ tầng CCN Canh Vinh	Công trình hạ tầng CCN Nhơn Bình	
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	29.192.741.975	16.215.404.670	38.241.391.800	83.649.538.445
Tăng trong năm	-	96.014.545	-	96.014.545
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>29.192.741.975</b>	<b>16.311.419.215</b>	<b>38.241.391.800</b>	<b>83.745.552.990</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Số đầu năm	9.637.519.804	2.785.540.031	21.553.531.995	33.976.591.830
Tăng trong năm	1.941.500.268	897.870.209	2.605.557.341	5.444.927.818
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>11.579.020.072</b>	<b>3.683.410.240</b>	<b>24.159.089.336</b>	<b>39.421.519.648</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	19.555.222.171	13.429.864.639	16.687.859.805	49.672.946.615
<b>Số cuối năm</b>	<b>17.613.721.903</b>	<b>12.628.008.975</b>	<b>14.082.302.464</b>	<b>44.324.033.342</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất)

**17. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản	2.573.206.018	631.127.009
- XDCB Cụm công nghiệp Canh Vinh	631.127.009	631.127.009
- XDCB dự án mở rộng quy mô chế biến gỗ	1.955.944.918	-
<b>Cộng</b>	<b>2.587.071.927</b>	<b>631.127.009</b>

**18. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Phú Sơn	1.009.107.768	1.521.269.504
Công ty TNHH Lê Gia	720.348.888	2.163.788.505
Công ty TNHH Hoàng Trang	1.405.935.685	127.927.030
Công ty TNHH SX TM Tâm phú	1.183.027.162	-
Công ty TNHH Tân Việt	1.477.814.988	-
Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist	-	385.559.177
Các đối tượng khác	11.485.015.128	9.524.286.549
<b>Cộng</b>	<b>17.281.249.619</b>	<b>13.722.808.765</b>

**19. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Đầu tư XNK Đức Minh	500.000.000	-
Công ty Hartman	1.371.383.926	2.612.841.248
Công ty CCST LTD	474.687.225	-
Công ty An seng Enterprises LTD	352.692.078	-
Công ty Sakl Orion	-	881.796.720
Các đối tượng khác	463.325.648	-
<b>Cộng</b>	<b>3.162.088.877</b>	<b>3.494.637.968</b>

**20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
Thuế GTGT	-	403.906.845	9.144.084.139	8.722.096.646	-	825.894.338
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	902.127.279	795.797.628	6.419.391.293	4.388.218.335	-	1.924.843.307
Thuế thu nhập cá nhân	-	65.238.726	666.259.026	539.674.265	-	191.823.487
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.817.935.073	1.817.935.073	-	-
Thuế môn bài	-	-	12.000.000	12.000.000	-	-
Thuế khác	-	-	270.200.000	270.200.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>902.127.279</b>	<b>1.264.943.199</b>	<b>18.329.869.531</b>	<b>15.750.124.319</b>	<b>-</b>	<b>2.942.561.132</b>

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất)

**21. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay phải trả	29.752.735	18.384.265
Phí kiểm toán BCTC	161.363.636	162.272.727
Trích trước phí bản quyền cho SCTV	455.189.125	-
Tiền ăn ca	111.425.000	128.067.500
Hoa hồng môi giới	400.497.840	431.619.289
Các khoản chi khác	312.204.871	143.888.052
<b>Cộng</b>	<b>1.470.413.207</b>	<b>884.209.833</b>

**22. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	391.262.288	467.704.316
Các khoản bảo hiểm	271.887.600	268.733.610
Giá trị bảo hành các hạng mục XDCB	43.342.000	96.905.000
Công ty CP Thực phẩm Xuất khẩu Bình Định	720.310.500	750.000.000
Tiền ứm đầu, thái sản	200.332.400	380.224.530
Công đoàn Tổng Công ty	1.254.309.239	1.154.794.635
Phải trả khác	152.499.984	1.427.643.174
<b>Cộng</b>	<b>3.033.944.011</b>	<b>4.546.005.266</b>

**23. Vay và nợ thuê tài chính**

**a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm		Trong năm			Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Danh giá lại CLTG cuối năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	65.112.085.420	65.112.085.420	193.683.133.038	158.454.998.252	198.618.539	29.685.332.095	29.685.332.095
- NH TMCP Ngoại thương Quy Nhơn	65.112.085.420	65.112.085.420	193.683.133.038	158.454.998.252	198.618.539	29.685.332.095	29.685.332.095
+ VND	25.695.856.603	25.695.856.603	87.021.349.180	66.070.938.857	-	4.945.498.280	4.945.498.280
+ USD	39.416.228.817	39.416.228.817	58.661.783.858	84.484.039.395	198.618.539	25.032.665.815	25.032.665.815
- Bồi tượng khác	-	-	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>65.112.085.420</b>	<b>65.112.085.420</b>	<b>193.683.133.038</b>	<b>158.454.998.252</b>	<b>198.618.539</b>	<b>29.685.332.095</b>	<b>29.685.332.095</b>

Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quy Nhơn với hạn mức 35 tỷ đồng, thời hạn vay từ ngày 17/12/2015 đến ngày 31/03/2016 và hạn mức 45 tỷ đồng (tương đương 2.000.000 USD) để bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất vay theo từng Giấy nhận nợ, khoản vay này được đảm bảo bằng tin chấp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**b. Dài hạn**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tổng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	8.563.532.425	8.563.532.425	8.563.532.425	-	-	-
- NH TMCP Ngoại thương Quy Nhơn	8.563.532.425	8.563.532.425	8.563.532.425	-	-	-
+ VND	8.563.532.425	8.563.532.425	8.563.532.425	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.563.532.425</b>	<b>8.563.532.425</b>	<b>8.563.532.425</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quy Nhơn với hạn mức 38.655.299.000 đồng để thực hiện dự án mở rộng quy mô chế biến gỗ của Tổng Công ty, thời hạn vay 115 tháng, thời gian ân hạn 12 tháng, lãi suất vay 9,5%/năm (thay đổi theo từng thời kỳ).

**24. Doanh thu chưa thực hiện**

**a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu thuê bao nhân trước	48.013.103	-
Cho thuê Văn phòng làm việc	-	36.000.000
Cho cho thuê cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp	3.488.565.513	3.549.082.247
<b>Cộng</b>	<b>3.536.578.616</b>	<b>3.585.082.247</b>

**b. Dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho cho thuê cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp	14.295.270.930	14.988.975.054
<b>Cộng</b>	<b>14.295.270.930</b>	<b>14.988.975.054</b>

**25. Phải trả dài hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Truyền hình cáp Saigontourist	4.928.380.712	-
<b>Cộng</b>	<b>4.928.380.712</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 26. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (*)	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	275.000.000.000	522.569.600	4.928.380.712	26.180.758.670	641.143.952	659.695.395	7.946.546.734
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	25.910.324.975
Giảm trong năm	-	-	-	628.965.362	-	-	7.001.623.401
Điều chỉnh hợp nhất	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>275.000.000.000</b>	<b>522.569.600</b>	<b>4.928.380.712</b>	<b>25.551.793.308</b>	<b>641.143.952</b>	<b>659.695.395</b>	<b>26.855.248.308</b>
Trình bày lại theo TT 200	-	-	-	-	659.695.395	(659.695.395)	-
Số dư đầu năm nay	275.000.000.000	522.569.600	4.928.380.712	25.551.793.308	1.200.839.347	-	26.855.248.308
Tăng trong năm	-	-	-	3.056.496.013	4.154.771.576	-	37.816.488.567
Giảm trong năm	-	-	4.928.380.712	-	-	-	25.673.192.466
Điều chỉnh hợp nhất	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>275.000.000.000</b>	<b>522.569.600</b>	<b>-</b>	<b>28.228.289.321</b>	<b>5.355.610.923</b>	<b>-</b>	<b>38.698.544.409</b>

(\*) Là chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo từ đồng ngoại tệ sang VND.

#### b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Bình Định	238.770.000.000	238.770.000.000
Các cổ đông khác	36.230.000.000	36.230.000.000
<b>Cộng</b>	<b>275.000.000.000</b>	<b>275.000.000.000</b>

#### c. Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.500.000	27.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	27.500.000	27.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.500.000	27.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	27.500.000	27.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất)

**d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	26.855.248.308	7.946.546.734
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm này	37.816.488.587	25.910.324.975
Phân phối lợi nhuận	25.973.192.486	7.001.623.401
Phân phối lợi nhuận năm trước	21.421.996.576	6.221.249.000
- Chia cổ tức	11.000.000.000	-
- Trích quỹ đầu tư phát triển	4.134.771.576	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.139.625.000	-
- Trích quỹ thưởng Ban điều hành	500.000.000	-
- Chia lợi nhuận cho đối tác hợp tác	1.500.000.000	5.100.000.000
- Chi khác	147.600.000	1.121.249.000
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	4.551.195.910	780.374.401
- Tăng giảm vốn tại công ty liên kết	1.129.795.910	780.374.401
- Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi	563.000.000	-
- Chia lợi nhuận cho đối tác hợp tác	2.700.000.000	-
- Chi khác	158.400.000	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>38.698.544.409</b>	<b>26.855.248.308</b>

**27. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
USD	135.716.68	196.616,36
EUR	615,39	299,29

**28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu sản phẩm lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp	329.632.337.350	260.618.412.777
Doanh thu cho thuê và dịch vụ hạ tầng khu công nghiệp	15.662.514.160	14.448.151.034
Doanh thu dịch vụ truyền hình cáp	35.823.512.272	28.224.838.856
<b>Cộng</b>	<b>381.118.363.782</b>	<b>303.289.402.667</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 29. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn sản phẩm làm sẵn và dịch vụ làm nghiệp	289.949.812.419	238.103.282.409
Giá vốn cho thuê và dịch vụ hạ tầng khu công nghiệp	8.004.436.300	7.367.865.853
Giá vốn dịch vụ truyền hình cáp	13.463.831.787	11.270.007.540
<b>Cộng</b>	<b>311.418.080.506</b>	<b>256.741.155.802</b>

### 30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.557.498.888	3.450.919.707
Lãi chậm thanh toán	468.431.871	719.345.105
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.904.720.000	3.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.602.547.681	684.457.728
<b>Cộng</b>	<b>5.533.198.440</b>	<b>4.857.722.540</b>

### 31. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.927.085.658	307.391.868
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.675.196.976	362.988.926
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	210.602.414	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.812.885.048</b>	<b>670.380.892</b>

### 32. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	1.321.129.058	1.113.482.115
Chi phí vật liệu quản lý	6.401.176.881	5.114.445.554
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.797.635.604	1.577.001.046
Chi phí bằng tiền khác	1.653.989.708	2.028.211.154
<b>Cộng</b>	<b>16.173.931.251</b>	<b>9.833.139.869</b>

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất)

#### 33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	8.937.603.634	7.556.370.680
Chi phí vật liệu quản lý	1.137.749.030	1.506.240.335
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.724.526.202	2.222.066.856
Chi phí dự phòng	864.424.999	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.156.942.131	2.787.662.537
Chi phí bằng tiền khác	6.258.024.182	5.016.677.459
<b>Cộng</b>	<b>24.079.270.178</b>	<b>19.089.017.867</b>

#### 34. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán công cụ dụng cụ	-	33.545.446
Phạt vi phạm hợp đồng	57.189.674	-
Lãi thanh lý tài sản cố định	105.547.181	-
Thu nhập khác	32.311.693	12.295.709
<b>Cộng</b>	<b>195.048.548</b>	<b>45.841.155</b>

#### 35. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ thanh lý, nhượng bán	-	44.059.228
Thủ lao Hội đồng quản trị	94.000.000	98.941.934
Xử lý công nợ	163.293.203	-
Chiết khấu thương mại	74.399.062	-
Chi phí khác	-	250.750.809
<b>Cộng</b>	<b>331.692.265</b>	<b>393.751.971</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 36. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	45.375.616.026	31.199.441.491
- Lợi nhuận của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế	14.502.523	116.864.681
- Lợi nhuận của hoạt động chịu thuế suất 20%	4.926.683.250	2.805.662.510
- Lợi nhuận của hoạt động không được hưởng ưu đãi thuế	40.434.430.253	28.276.914.300
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(15.718.872.872)	(9.438.713.676)
Điều chỉnh tăng	530.711.632	408.692.743
- Chi phí không được trừ	403.684.565	408.692.743
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.857.900	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ ở tổ trên 1,6 tỷ	116.169.167	-
Điều chỉnh giảm	16.249.584.504	9.847.406.419
- Cổ tức và phần lãi công ty liên kết	16.249.584.504	9.736.921.530
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	110.484.889
Tổng thu nhập chịu thuế	29.656.743.154	21.760.727.815
- Thu nhập của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế	14.502.523	116.864.681
- Thu nhập của hoạt động chịu thuế suất 20%	5.095.082.312	2.812.537.432
- Thu nhập của hoạt động không được hưởng ưu đãi thuế	24.547.158.319	18.831.325.702
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.419.391.293	4.705.399.143
- Thuế TNDN của HĐ không được hưởng ưu đãi thuế	5.403.565.386	4.168.601.887
- Thuế thu TNDN của hoạt động chịu thuế suất 20%	1.019.016.462	562.507.486
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(3.190.555)	(25.710.230)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>6.419.391.293</b>	<b>4.705.399.143</b>

### 37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	37.816.488.587	25.910.324.975
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(563.000.000)	(4.639.625.000)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	563.000.000	4.639.625.000
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	37.253.488.587	21.270.699.975
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	27.500.000	27.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.355</b>	<b>773</b>

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014, 2015 Công ty đã trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi theo hướng dẫn của Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2015 của Bộ Tài chính.

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất)***38. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	37.816.488.587	25.910.324.975
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(563.000.000)	(4.639.625.000)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	563.000.000	4.639.625.000
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	37.253.488.587	21.270.699.975
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.355</b>	<b>773</b>

**39. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	89.521.046.297	65.206.909.106
Chi phí nhân công	49.537.520.858	39.307.607.474
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.662.638.372	11.013.592.611
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.263.000.163	51.891.612.996
Chi phí khác bằng tiền	30.679.255.098	17.097.696.461
<b>Cộng</b>	<b>240.663.460.788</b>	<b>184.517.418.648</b>

**40. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Tổng Công ty cần lập báo cáo bộ phận hợp nhất. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Tổng Công ty, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Do đó, Tổng Công ty trình bày báo cáo bộ phận hợp nhất chính yếu là bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**TONG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Phường Ghénh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**Số năm nay**

Nội dung	Sản phẩm làm sản và dịch vụ làm nghiệp	Hạ tầng Cụm Công nghiệp	Dịch vụ truyền hình cáp	Đầu tư tài chính	Chung	Cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	329.632.337.350	15.662.514.160	35.823.512.272	-	-	381.118.363.782
Doanh thu hoạt động tài chính và lợi nhuận từ công ty liên kết	1.602.547.681	1.061.385.502	549.868.508	16.249.584.504	414.676.749	19.878.062.944
Thu nhập khác	177.981.060	15.029.588	2.037.900	-	-	195.048.548
<b>Tổng doanh thu và Thu nhập khác</b>	<b>331.412.866.091</b>	<b>16.738.929.250</b>	<b>36.375.418.680</b>	<b>16.249.584.504</b>	<b>414.676.749</b>	<b>401.191.475.274</b>
Giá vốn hàng bán	289.949.812.419	8.004.436.300	13.463.831.787	-	-	311.418.080.506
Chi phí bán hàng	14.489.076.202	-	1.684.855.049	-	-	16.173.931.251
Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.299.888.123	3.442.549.862	4.336.832.193	-	-	24.079.270.178
Chi phí tài chính	1.885.799.390	-	-	-	1.927.085.658	3.812.885.048
Chi phí khác	7.700	168.399.062	163.285.503	-	-	331.692.265
<b>Tổng chi phí</b>	<b>322.624.583.834</b>	<b>11.615.385.224</b>	<b>19.648.804.532</b>	<b>-</b>	<b>1.927.085.658</b>	<b>355.815.859.248</b>
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN</b>	<b>8.788.282.257</b>	<b>5.123.544.026</b>	<b>16.726.614.148</b>	<b>16.249.584.504</b>	<b>(1.512.408.909)</b>	<b>45.375.616.026</b>
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	4.786.031.057	5.668.342.863	1.208.264.452	-	-	11.662.638.372
Tổng chi phí phát sinh để mua TSCĐ và BĐS	3.989.992.909	96.014.545	2.257.165.101	-	-	6.343.172.555
Tài sản phân bổ trực tiếp của bộ phận	196.210.869.255	75.081.600.888	19.999.211.194	178.187.094.825	-	469.478.776.162
Tài sản được theo dõi và quản lý chung	-	-	-	-	22.671.846.313	22.671.846.313
<b>Tổng tài sản</b>	<b>196.210.869.255</b>	<b>75.081.600.888</b>	<b>19.999.211.194</b>	<b>178.187.094.825</b>	<b>22.671.846.313</b>	<b>492.150.622.475</b>



TONG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN  
99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ràng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

#### Số năm trước

Nội dung	Sản phẩm làm sản và dịch vụ lâm nghiệp	Hạ tầng Cụm Công nghiệp	Dịch vụ truyền hình cáp	Đầu tư tài chính	Chung	Cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	260.618.412.777	14.446.151.034	28.224.838.856	-	-	303.289.402.667
Doanh thu hoạt động tài chính và lợi nhuận từ công ty liên kết	684.457.728	509.869.051	901.777.819	9.736.921.530	2.758.617.942	14.591.644.070
Thu nhập khác	22.728.194	10.825.297	12.287.664	-	-	45.841.155
<b>Tổng doanh thu và Thu nhập khác</b>	<b>261.325.598.699</b>	<b>14.966.845.382</b>	<b>29.138.904.339</b>	<b>9.736.921.530</b>	<b>2.758.617.942</b>	<b>317.926.887.892</b>
Chi phí phân bổ trực tiếp của bộ phận	258.667.202.066	11.349.245.223	16.422.523.810	-	-	286.438.971.099
Chi phí được theo dõi chung của bộ phận	-	-	-	-	288.475.302	288.475.302
<b>Tổng chi phí</b>	<b>258.667.202.066</b>	<b>11.349.245.223</b>	<b>16.422.523.810</b>	<b>-</b>	<b>288.475.302</b>	<b>286.727.446.401</b>
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN</b>	<b>2.658.396.633</b>	<b>3.617.600.159</b>	<b>12.716.380.529</b>	<b>9.736.921.530</b>	<b>2.470.142.640</b>	<b>31.199.441.491</b>
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và BDS đầu tư	4.750.734.338	5.231.723.382	1.031.134.890	-	-	11.013.592.610
Tổng chi phí phát sinh để mua TSCĐ và BDS	720.935.000	191.504.114	1.165.224.401	-	-	2.077.663.515
Tài sản phân bổ trực tiếp của bộ phận	123.345.330.822	77.308.135.656	17.403.793.487	168.604.836.164	-	386.662.096.129
Tài sản được theo dõi và quản lý chung	-	-	-	-	38.241.704.021	38.241.704.021
<b>Tổng tài sản</b>	<b>123.345.330.822</b>	<b>77.308.135.656</b>	<b>17.403.793.487</b>	<b>168.604.836.164</b>	<b>38.241.704.021</b>	<b>424.903.800.150</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 41. Công cụ tài chính

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Tổng Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá hàng hóa, nguyên liệu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá hàng hóa, nguyên liệu.

##### Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Tổng Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Tổng Công ty ở mức thấp.

##### Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch mua hàng, bán hàng và vay nợ có gốc ngoại tệ, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Tổng Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Giá trị ghi số của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

		Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền	USD	135.716,68	196.616,36
	EUR	615,39	299,29
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Vay ngắn hạn	USD	1.748.723,55	1.171.181,75
Phải trả người bán	USD	37.532,50	-

##### Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước và nhập khẩu nguyên vật liệu để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào.

Hiện tại, hoạt động sản xuất kinh doanh chính tại Tổng Công ty là hoạt động sản xuất đồ gỗ, do đó, hàng hóa mua vào trong Tổng Công ty chủ yếu là các mặt hàng nguyên vật liệu gỗ. Ngoài ra, Tổng Công ty còn chịu rủi ro về giá nhân công. Nhằm bắt trước diễn biến hoạt động sản xuất của Tổng Công ty và để giảm thiểu rủi ro này trong tương lai Ban Tổng Giám đốc rất quan tâm đến việc tìm hiểu tình hình thị trường, giá cả các mặt hàng nguyên vật liệu, nhân công. Đồng thời, Tổng Công ty cũng xây dựng sẵn các chính sách lựa chọn nhà cung cấp và liệt kê sẵn ra những nhà cung cấp uy tín, chất lượng để phục vụ khi có nhu cầu. Với chính sách quản lý về giá trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá ngoài dự tính của Tổng Công ty ở mức thấp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không thực hiện được nghĩa của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Tổng Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các khoản cho vay.

**Phải thu khách hàng**

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Tổng Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tổng Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Tổng Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chất chề đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Tổng Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tổng Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đến hạn lệch nhau.

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Tổng Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó....

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<b>Số cuối năm</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	17.281.249.619	-	17.281.249.619
Chi phí phải trả	1.470.413.207	-	1.470.413.207
Vay và nợ thuê tài chính	65.112.085.420	8.563.532.425	73.675.617.845
Phải trả khác	2.170.461.723	-	2.170.461.723
<b>Cộng</b>	<b>86.034.209.969</b>	<b>8.563.532.425</b>	<b>94.597.742.394</b>
<b>Số đầu năm</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	13.722.808.765	-	13.722.808.765
Chi phí phải trả	884.209.833	-	884.209.833
Vay và nợ thuê tài chính	29.685.332.095	-	29.685.332.095
Phải trả khác	3.429.342.809	-	3.429.342.809
<b>Cộng</b>	<b>47.721.693.502</b>	<b>-</b>	<b>47.721.693.502</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Tổng Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Số cuối năm	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.896.263.052	-	23.896.263.052
Đầu tư tài chính	-	6.685.119.996	6.685.119.996
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	16.350.000.000	-	16.350.000.000
Phải thu khách hàng	36.833.267.010	-	36.833.267.010
Phải thu về cho vay	7.527.500.000	-	7.527.500.000
Phải thu khác	4.423.724.585	3.922.280.660	8.346.005.245
<b>Cộng</b>	<b>89.030.754.647</b>	<b>10.607.400.656</b>	<b>99.638.155.303</b>
Số đầu năm	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.376.079.675	-	42.376.079.675
Đầu tư tài chính	-	11.685.119.996	11.685.119.996
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.700.000.000	-	10.700.000.000
Phải thu khách hàng	30.136.090.174	-	30.136.090.174
Phải thu về cho vay	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Phải thu khác	5.933.658.795	3.979.576.072	9.913.234.867
<b>Cộng</b>	<b>91.145.828.644</b>	<b>15.664.696.068</b>	<b>106.810.524.712</b>

Tổng Công ty có rủi ro trong thanh khoản các khoản nợ ngắn hạn, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**42. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**43. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 21 tháng 03 năm 2016.

Bình Định, ngày 21 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN NGỌC MINH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



THÁI MINH TRUNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TÂN BÌNH



TỔNG GIÁM ĐỐC



*Nguyễn Tấn Bình*